

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:
1001244145, cấp ngày 29/12/2021 (đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/6/2024) do
phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp

DO 180762

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng	Nguồn gốc sử dụng đất	Địa chỉ
63	468	406.129,6	Đất khu công nghiệp (xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài)	Đến hết ngày 07/02/2071	Sử dụng riêng	Thuê đất trả tiền hàng năm của chủ đầu tư xây dựng	Khu công nghiệp Liên Hà Thái, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
15	395	13.291,4				kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Khu công nghiệp Liên Hà Thái, xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Công trình xây dựng

Tên công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp hạng	Thời hạn sở hữu
(1) Nhà xưởng NX1	14.280,0	28.896,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8.073,0	16.187,8			
Thuộc địa giới xã Thụy Liên	6.207,0	12.708,2			
(2) Nhà văn phòng, điều hành đón tiếp	537,5	2.213,8	Riêng	Cấp II	"-/-"
Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền					
(3) Nhà xưởng NX15	8.460,0	8.460,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền					

4. Ghi chú: -/-

Thái Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2024

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÁI BÌNH

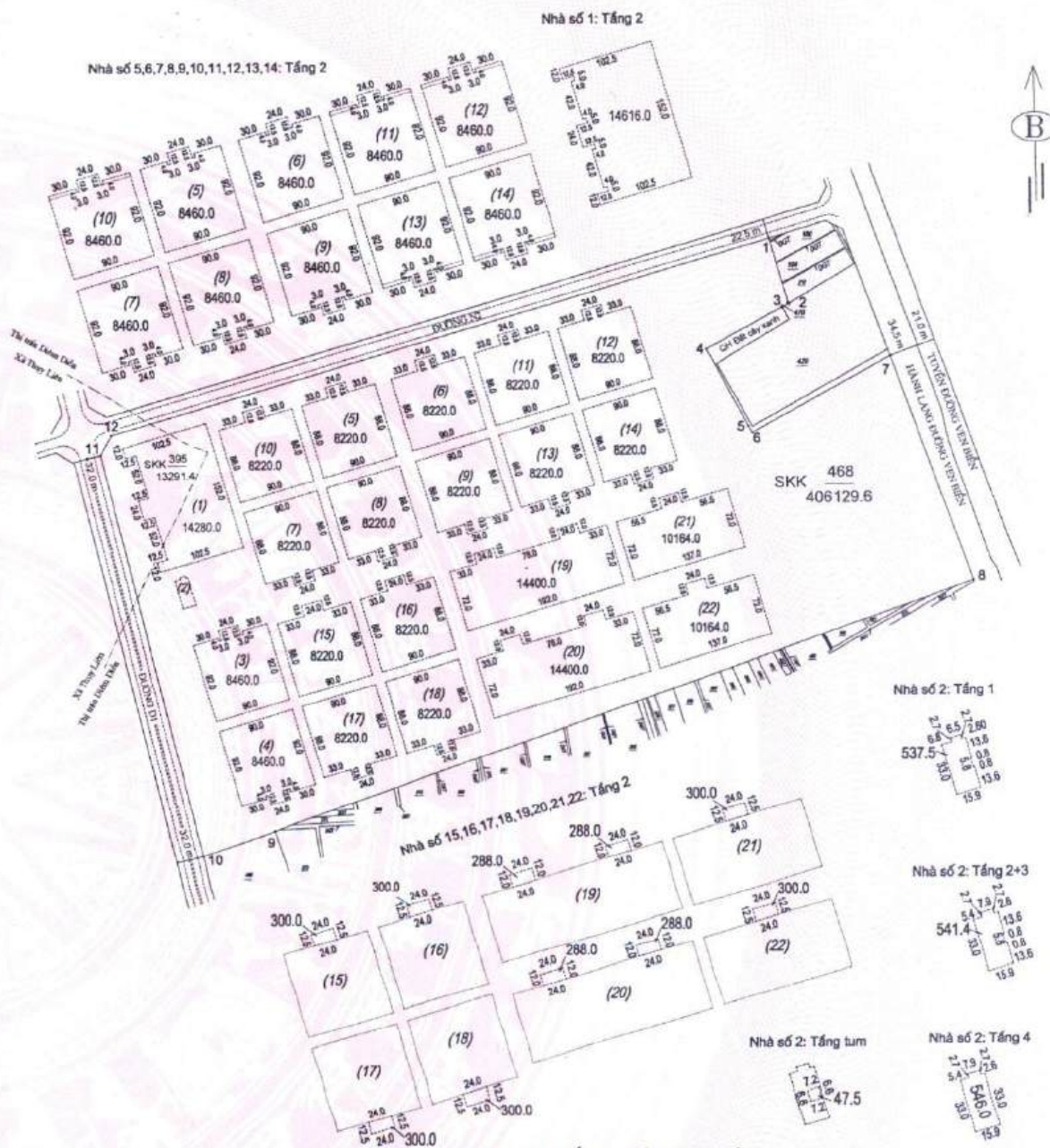
GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN: VP.10548

Trần Văn Thắng

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ
(Hệ toạ độ VN2000)

Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ		Khoảng cách (m)	Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ		Khoảng cách (m)
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)	
12	2273001.374	608388.870	26.0	6	2272998.522	609142.563	8.9
11	2272978.865	608375.844	484.4	5	2273006.388	609138.353	102.8
10	2272508.196	608490.503	90.3	4	2273096.996	609089.859	102.4
9	2272537.720	608575.798	872.7	3	2273145.901	609179.844	8.5
8	2272823.187	609400.504	280.5	2	2273149.941	609187.279	80.0
7	2273087.058	609305.472	185.4	1	2273226.757	609164.971	808.2
6	2272998.522	609142.563		12	2273001.374	608388.870	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển tiếp nội dung đăng ký thế chấp đã chuyển đăng ký ngày 17/7/2024 trên Giấy chứng nhận số phát hành: DI 826017

* Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/HĐBĐ/NHCT168-NAMTAI và Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2023/HĐBĐ/NHCT168-NAMTAI tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền, mã số doanh nghiệp 0100111948-049, địa chỉ Số 05 Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo hồ sơ số 005557.TC.001.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Ngày 17 tháng 12 năm 2024

Văn phòng Đăng ký đất đai

Thái Bình

Giám đốc

Trần Văn Thắng

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:
1001244145, cấp ngày 29/12/2021 (đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/6/2024) do
phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp

DO 180763

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

"Thông tin về thửa đất được quyền sử dụng thể hiện trên Giấy chứng nhận có seri số DO 180762"

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Công trình xây dựng

Tên công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp hạng	Thời hạn sở hữu
(4) Nhà xưởng NX18 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8460,0	8460,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(5) Nhà xưởng NX3 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(6) Nhà xưởng NX4 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(7) Nhà xưởng NX7 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(8) Nhà xưởng NX8 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(9) Nhà xưởng NX9 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"

4. Ghi chú: -/-

Thái Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2024

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÁI BÌNH

GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN:.....

Trần Văn Thắng

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số DO 180762"

hạn
hữu
/...
/...
/...
/...
/...
/...



BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ
(Hệ toạ độ VN2000)

n 2024
THÁI BÌNH

Số hiệu định thửa	Tọa độ		Khoảng cách (m)	Số hiệu định thửa	Tọa độ		Khoảng cách (m)
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)	
12	2273001.374	608388.870		6	2272998.522	609142.563	8.9
11	2272978.865	608375.844	26.0	5	2273006.388	609138.353	102.8
10	2272508.196	608490.503	484.4	4	2273096.996	609089.859	102.4
9	2272537.720	608575.798	90.3	3	2273145.901	609179.844	8.5
8	2272823.187	609400.504	872.7	2	2273149.941	609187.279	80.0
7	2273087.058	609305.472	280.5	1	2273226.757	609164.971	808.2
6	2272998.522	609142.563	185.4	12	2273001.374	608388.870	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:
1001244145, cấp ngày 29/12/2021 (đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/6/2024) do
phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp

DO 180764

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

"Thông tin về thửa đất được quyền sử dụng thể hiện trên Giấy chứng nhận có seri số DO 180762"

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Công trình xây dựng

Tên công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp hạng	Thời hạn sở hữu
(10) Nhà xưởng NX2 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(11) Nhà xưởng NX5 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(12) Nhà xưởng NX6 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(13) Nhà xưởng NX10 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(14) Nhà xưởng NX11 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	16680,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(15) Nhà xưởng NX16 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	8520,0	Riêng	Cấp II	"-/-"

4. Ghi chú: -/-

Thái Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2024

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÁI BÌNH

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Thắng

Số vào sổ cấp GCN:.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

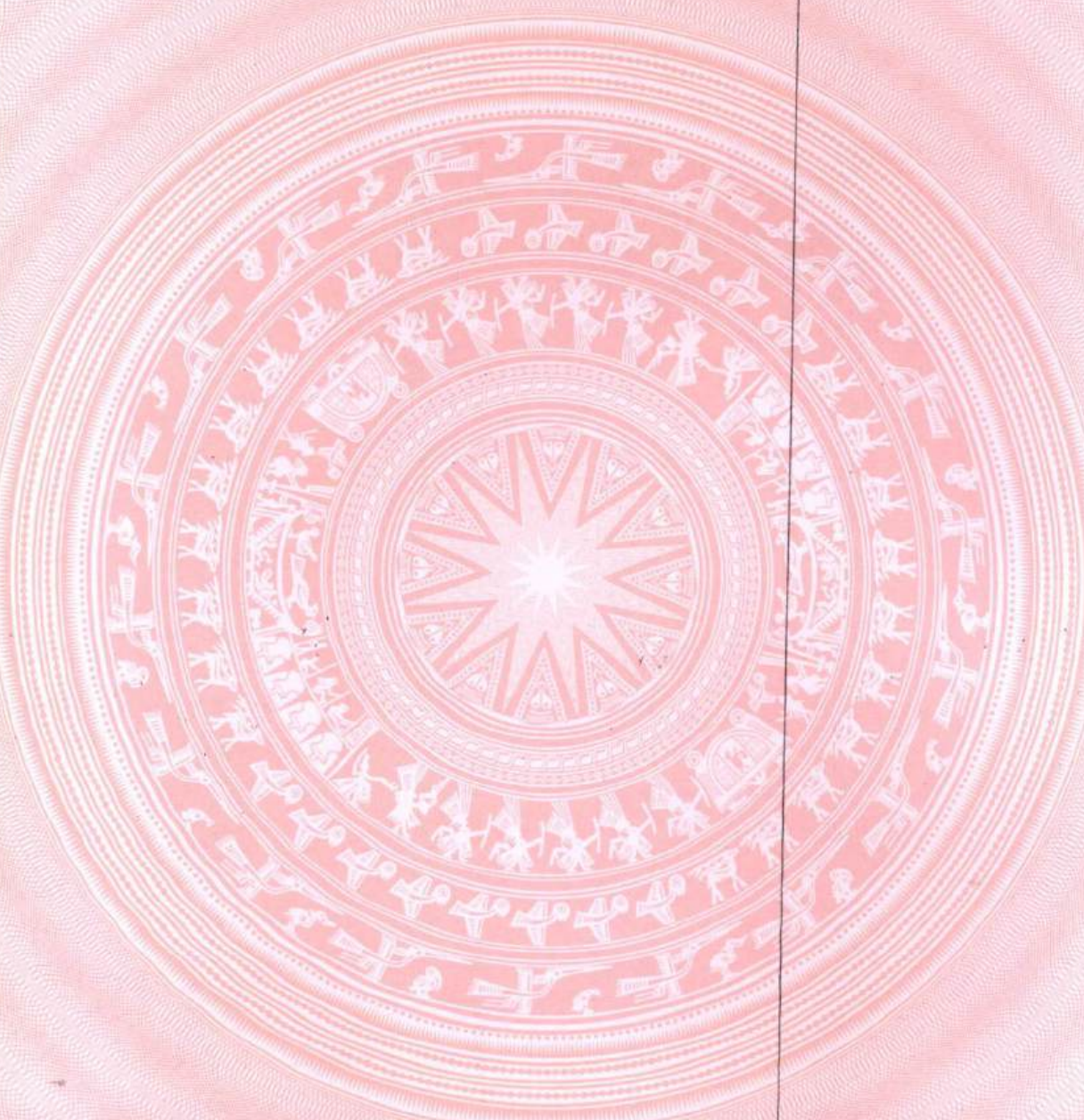
DO 180762"



BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ
(Hệ tọa độ VN2000)

Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ		Khoảng cách (m)	Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ		Khoảng cách (m)
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)	
12	2273001.374	608388.870		6	2272998.522	609142.563	8.9
11	2272978.865	608375.844	26.0	5	2273006.388	609138.353	102.8
10	2272508.196	608490.503	484.4	4	2273096.996	609089.859	102.4
9	2272537.720	608575.798	90.3	3	2273145.901	609179.844	8.5
8	2272823.187	609400.504	872.7	2	2273149.941	609187.279	80.0
7	2273087.058	609305.472	280.5	1	2273226.757	609164.971	808.2
6	2272998.522	609142.563	185.4	12	2273001.374	608388.870	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:
1001244145, cấp ngày 29/12/2021 (đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/6/2024) do
phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp

DO 180765

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

"Thông tin về thửa đất được quyền sử dụng thể hiện trên Giấy chứng nhận có seri số DO 180762"

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Công trình xây dựng

Tên công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp hạng	Thời hạn sở hữu
(16) Nhà xưởng NX17 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	8520,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(17) Nhà xưởng NX19 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	8520,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(18) Nhà xưởng NX20 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	8220,0	8520,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(19) Nhà xưởng NX21 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	14400,0	14976,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(20) Nhà xưởng NX22 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	14400,0	14976,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(21) Nhà xưởng NX23 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	10164,0	10464,0	Riêng	Cấp II	"-/-"
(22) Nhà xưởng NX24 Thuộc địa giới thị trấn Diêm Điền	10164,0	10464,0	Riêng	Cấp II	"-/-"

4. Ghi chú: -/-

Thái Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2024

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÁI BÌNH

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Thắng

Số vào sổ cấp GCN:.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số DO 180762"



BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ
(Hệ toạ độ VN2000)

Số hiệu đỉnh thửa	Toạ độ		Khoảng cách (m)	Số hiệu đỉnh thửa	Toạ độ		Khoảng cách (m)
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)	
12	2273001.374	608388.870		6	2272998.522	609142.563	
11	2272978.865	608375.844	26.0	5	2273006.388	609138.353	8.9
10	2272508.196	608490.503	484.4	4	2273096.996	609089.859	102.8
9	2272537.720	608575.798	90.3	3	2273145.901	609179.844	102.4
8	2272823.187	609400.504	872.7	2	2273149.941	609187.279	8.5
7	2273087.058	609305.472	280.5	1	2273226.757	609164.971	80.0
6	2272998.522	609142.563	185.4	12	2273001.374	608388.870	808.2

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Số: *1974* /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *06* tháng *9* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2122/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Liên Hà Thái (Green iP-1) phân khu Bắc, hạng mục: Khu công nghiệp, quy mô: 591,38 ha”;

Xét Văn bản số 1584/STNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài”;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 419/TTr-STNMT ngày 26 tháng 8 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình thực hiện tại Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài.
- Chủ dự án: Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình.
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án:

Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng, văn phòng (chỉ phục vụ điều hành nhà xưởng sản xuất) với diện tích đất dự kiến sử dụng 419.421m²; trong đó diện tích xây dựng nhà xưởng dự kiến khoảng 232.582 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Các hạng mục công trình chính:

+ Hệ thống nhà xưởng, nhà văn phòng: Nhà xưởng 1: 14.592 m²; nhà xưởng 2: 8.448 m²; nhà xưởng 3: 8.448 m²; nhà xưởng 4: 8.448 m²; nhà xưởng 5: 8.448 m²; nhà xưởng 6: 8.448 m²; nhà xưởng 7: 8.448 m²; nhà xưởng 8: 8.448 m²; nhà xưởng 9: 8.448 m²; nhà xưởng 10: 8.448 m²; nhà xưởng 11: 8.448 m²; nhà xưởng 12: 3.316 m²; nhà xưởng 13: 3.316 m²; nhà xưởng 14: 4.014 m²; nhà xưởng 15: 8.448 m²; nhà xưởng 16: 8.448 m²; nhà xưởng 17: 8.448 m²; nhà xưởng 18: 8.448 m²; nhà xưởng 19: 8.448 m²; nhà xưởng 20: 8.448 m²; nhà xưởng 21: 14.928 m²; nhà xưởng 22: 14.928 m²; nhà xưởng 23: 10.580 m²; nhà xưởng 24: 10.580 m²; nhà xưởng 25: 10.580 m²; nhà xưởng 26: 10.580 m².

+ Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cây xanh (khoảng 8,4 ha).

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải sản xuất; Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 1.200m³/ngày đêm (Giai đoạn 1: công suất 600m³/ngày đêm bao gồm 2 line 300m³/ngày đêm chạy song song; giai đoạn 2: công suất 600m³/ngày đêm bao gồm 2 line 300m³/ngày đêm chạy song song).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi từ các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, vận chuyển lưu thông hàng hóa từ các nhà máy thứ cấp; khí thải phát

sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 12,8 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P và Coliform; nước thải từ quá trình thi công xây dựng khoảng 15,9 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng...;

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 400 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform; nước thải sản xuất (phát sinh từ các nhà máy thứ cấp) khoảng 1.083,2 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: Độ màu, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu san lấp, chất thải; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi từ các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, vận chuyển lưu thông hàng hóa từ các nhà máy thứ cấp; khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp, có thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_x, NO_x, CO, CO₂, hơi dung môi...; mùi hôi từ trạm xử lý nước thải tập trung.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Khối lượng khoảng 80 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Khối lượng khoảng 2.000kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải xây dựng khoảng 266 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sản xuất khoảng 15.500 kg/ngày đêm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại khoảng 700 kg/năm

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại khoảng 490.680 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

+ Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận chuyển của dự án thứ cấp.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt sử dụng 05 nhà vệ sinh di động loại 2 ngăn, thể tích 500 lít để thu gom và lưu chứa chất thải phát sinh, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng được thu gom về các hố (bẫy cát) để xử lý lắng cặn, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho mục đích thi công xây dựng; nước thải từ khu vực rửa xe được thu gom, xử lý bằng hệ thống bể tách dầu, bể lắng cát, nước thải sau xử lý được tái sử dụng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt được thu gom về hố ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái bằng hệ thống ống HDPE D200 và ống HDPE D100.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà máy thứ cấp được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật, công suất 1.200 m³/ngày đêm (Giai đoạn 1: công suất 600m³/ngày đêm bao gồm 2 line 300m³/ngày đêm chạy song song; giai đoạn 2: công suất 600m³/ngày đêm bao gồm 2 line 300m³/ngày đêm chạy song song). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Liên Hà Thái bằng hệ thống ống HDPE D250.

Quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải phát sinh từ các khu vực của dự án (nhà máy thứ cấp) → Hệ thống thu gom nước thải → Hố bơm → Máy tách rác tinh dạng tĩnh → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa nước thải → Bể điều chỉnh pH 01 → Bể châm hóa chất → Bể Fenton → Bể điều chỉnh pH 02 → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Liên Hà Thái).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Phun tưới ẩm tại các khu vực thi công, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, dọn vệ sinh, che phủ các vị trí tập kết nguyên liệu, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Lựa chọn nhà đầu tư thứ cấp theo hướng ưu tiên các nhà máy sử dụng công nghệ sạch, tiên tiến, thân thiện với môi trường.

+ Bảo đảm diện tích cây xanh theo quy định; thường xuyên vệ sinh, phun nước các tuyến đường nội bộ trong dự án.

+ Khuyến khích các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường; sử dụng các nhiên liệu sạch hạn chế sử dụng các nhiên liệu hóa thạch truyền thống.

+ Yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải trong trường hợp hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải ra môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt được thu gom vào 04 thùng đựng rác thể tích 100 lít/thùng, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế bố trí khu lưu giữ tạm thời, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của văn phòng dự án được bộ phận vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển về khu tập kết tại khu vực gần trạm xử lý nước thải, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý hàng ngày theo quy định.

+ Chất thải rắn sản xuất: Thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho chất thải rắn sản xuất, diện tích 12 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom, phân loại theo mã chất thải, lưu giữ tại kho lưu giữ CTNH diện tích 12m², bảo đảm đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với các nhà máy thứ cấp phải thực hiện thu gom, phân loại và lưu giữ CTNH bảo đảm đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp; hạn chế dùng còi trong khu vực; thay thế các thiết bị không đạt kiểm định chất lượng; hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

+ Giai đoạn vận hành: Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn và độ rung; kiểm tra, kiểm định định kỳ các phương tiện vận tải trong khu vực dự án; trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 điểm (01 điểm tại khu vực thi công hạ tầng; 01 điểm tại tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu trong khu vực dự án)

+ Tần suất: 06 tháng/lần giai đoạn xây dựng.

+ Thông số giám sát: Bụi tổng, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại về khối lượng, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải: Theo hợp đồng thoát nước với đơn vị quản lý, kinh doanh hạ tầng KCN Liên Hà Thái.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại về khối lượng, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

6.1. Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

6.2. Yêu cầu Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

THÁI

1. The first part of the paper is devoted to a general discussion of the problem of the existence of solutions of the system of equations

2. The second part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

3. The third part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

4. The fourth part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

5. The fifth part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

6. The sixth part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

7. The seventh part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

8. The eighth part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

9. The ninth part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

10. The tenth part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

11. The eleventh part of the paper is devoted to a detailed study of the case of the system of equations

Số: 54 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 14 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình tại Văn bản số 305/CV-NTTB ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc giải trình, chỉnh sửa bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án "Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài - Giai đoạn 1" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 283/TTr-STNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình, địa chỉ tại Lô B2, KCN Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án "Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài - Giai đoạn 1" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài - Giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B2, KCN Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 1001244145 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2021; Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 7610027400 do Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp, chứng nhận lần đầu ngày 27/12/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 03/3/2023.

1.4. Mã số thuế: 1001244145.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của Dự án 419.421 m²; trong đó giai đoạn 1: 375.361 m².

- Công suất thiết kế giai đoạn 1 của Dự án:

+ Xây dựng 01 khối nhà văn phòng, điều hành, đón tiếp (diện tích 547,02 m²);

+ Xây dựng và kinh doanh nhà xưởng sản xuất: 21 nhà xưởng sản xuất (diện tích 195.289,20 m²);

+ Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ: trạm xử lý nước thải sản xuất, trạm bơm, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà lưu chứa chất thải (diện tích 2.819,32 m²);

+ Đất quy hoạch trồng cây xanh (diện tích 83,890,92 m²);

+ Đất giao thông và sân bãi (diện tích 92.814,36 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *pu*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL Khu kinh tế và các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Thái Thụy;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT *pu*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn



Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54/GPMT-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái; nước thải sản xuất từ các đơn vị thứ cấp được thu gom về trạm xử lý nước thải sản xuất công suất 600 m³/ngày đêm (giai đoạn 1) của dự án để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B sau đó đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Liên Hà Thái (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Liên Hà Thái ngày 26/4/2022 và Biên bản xác nhận ngày 15/5/2024 giữa Công ty Cổ phần Green i-Park và Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE D200 dài khoảng 3.833 m, (trên toàn bộ tuyến thu gom nước thải sinh hoạt bố trí 149 hố ga xây bằng bê tông cốt thép, 04 hố ga bơm chuyển bậc) về 02 hố bơm nước thải sinh hoạt, sau đó theo ống dẫn HDPE D100 dài khoảng 560m về hố ga sau trạm xử lý nước thải sản xuất của dự án trước khi được dẫn bằng ống HDPE D250 dài khoảng 71 m vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Liên Hà Thái tại vị trí hố ga đầu nối NT3-4 trên đường D1.

- Toàn bộ nước thải sản xuất của các đơn vị thứ cấp thuê nhà xưởng được thu gom bằng đường ống HDPE D200 dài khoảng 2.248m (trên toàn bộ tuyến ống thu gom nước thải sản xuất bố trí 85 hố ga xây bằng bê tông cốt thép, 02 hố ga bơm chuyển bậc) về 01 hố bơm nước thải sản xuất, sau đó theo ống dẫn HDPE D100 dài khoảng 404m về trạm xử lý nước thải sản xuất để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được dẫn bằng ống HDPE D250 dài khoảng 71 m vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Liên Hà Thái tại vị trí hố ga đầu nối NT3-4 trên đường D1.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ qua 01 bể tách dầu mỡ kích thước 2,5x1,6x1,0 (m).

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 50 bể tự hoại (tổng thể tích 359 m³).

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày đêm (giai đoạn 1):

Nước thải sản xuất → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điện phân → Cụm bể phản ứng (điều chỉnh pH, keo tụ, tạo bông) → Bể lắng hóa lý → Bể phân phối → Cụm bể kỵ khí, thiếu khí → Cụm bể hiếu khí → Bể trung gian → Bể lắng vi sinh → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Liên Hà Thái.

- Công suất thiết kế trạm xử lý nước thải: 600 m³/ngày đêm (giai đoạn 1).

- Công nghệ xử lý: Công nghệ hóa lý kết hợp sinh học.

- Hóa chất sử dụng: NaOH; H₂SO₄; Javen; PAC; Polymer; mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh đường ống thu gom, thoát nước thải.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với phòng quản lý môi trường của KCN Liên Hà Thái trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường và các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải sản xuất công suất 600 m³/ngày đêm (giai đoạn 1).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu vận hành thử nghiệm: 02 điểm (tại vị trí đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải công suất 600 m³/ngày đêm).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: Nhiệt độ, Màu, pH, BOD₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen,

Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, Tổng PCB, Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hiệu chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý:

+ Tại bể điều hòa: Lấy mẫu tổ hợp 01 lần.

+ Tại đầu ra sau trạm xử lý nước thải sản xuất: Lấy mẫu tổ hợp với tần suất tối thiểu 15 ngày/lần; số lần lấy mẫu: 05 lần; số lượng mẫu: 01 mẫu/lần

- Trong giai đoạn vận hành ổn định:

+ Tại bể điều hòa: Lấy mẫu đơn 01 lần.

+ Tại đầu ra sau trạm xử lý nước thải sản xuất: Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 7 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, đầu nối nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải từ các bể tự hoại, bể tách mỡ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, thu gom, thoát nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý và tuần hoàn nước làm mát, không xả thải nước thải sản xuất ra môi trường và hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải của Khu công nghiệp.

Phụ lục 02

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54/GPMT-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải sản xuất (Phát sinh do hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tương ứng với nguồn số 01, có tọa độ như sau:

$$X(m) = 2272541; Y(m) = 608552.$$

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân thiết bị gây ồn; kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị và kiểm tra độ mài mòn của chi tiết, thay thế những chi tiết hư hỏng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn trong quá trình làm việc.

- Trồng cây xanh khu vực nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 03

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54/GPMT-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	72
2	Giẻ lau dính dầu	Rắn	120
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	48
4	Bao bì mềm thải	Rắn	48
5	Bùn thải chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Rắn	56.940
Tổng			57.228

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn nạo vét hố ga thoát nước mưa	48.000
Tổng khối lượng		48.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	5,47
Tổng khối lượng		5,47

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 24,4 m²; thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, mái bằng, nền cứng hóa bê tông.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Diện tích 24,4 m²; thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, mái bằng, nền cứng hóa bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54/GPMT-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài” tại Lô B2, KCN Liên Hà Thái (Green iP-1), thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường (giai đoạn 2) theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích còn lại 44.060 m² (trên tổng diện tích 419.421 m²) của dự án, gồm:

1. Các hạng mục công trình xây dựng chính của dự án:

- Nhà xưởng 12 và 13 (NX12 và NX13, gồm 2 hạng mục): Diện tích xây dựng 3.244,28 m²/hạng mục.
- Nhà xưởng 14: Diện tích xây dựng 4.014,0 m².
- Nhà xưởng 25 và 26 (NX25 và NX26, gồm 2 hạng mục): Diện tích xây dựng 10.218,30 m²/hạng mục.
- Nhà CC-HH2 và CC-HH3 (gồm 2 hạng mục): Diện tích xây dựng 3.520,0 m²/hạng mục.

2. Xây dựng, hoàn thiện các hạng mục, công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện:

- Về hệ thống, công trình xử lý nước thải sản xuất:
 - + Xây dựng Modul 2 Trạm XLNT sản xuất công suất 600 m³/ngày đêm (giai đoạn 2).
 - + Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Trang bị các thiết bị dự phòng cho Modul 2 Trạm XLNT sản xuất (máy bơm, bơm định lượng, máy thổi khí...); định kỳ kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, tuân thủ yêu cầu về thiết kế và

vận hành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.
4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.

Số: /STNMT-QLMT

Thái Bình, ngày tháng 12 năm 2024

V/v thông báo kết quả vận hành thử nghiệm
công trình xử lý chất thải của dự án “Xây dựng
và kinh doanh cho thuê nhà xưởng
Nam Tài - Giai đoạn 1”

Kính gửi: Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình.

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Giấy phép môi trường số 54/GPMT-UBND ngày 14/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; kết quả kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải của dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài - Giai đoạn 1” trong quá trình vận hành thử nghiệm; Báo cáo số 0912/BC-NTTB ngày 09/12/2024 của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra thực tế quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài - Giai đoạn 1” như sau:

- Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình đã đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải của dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài - Giai đoạn 1” tại Lô B2, KCN Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo nội dung của Giấy phép môi trường số 54/GPMT-UBND ngày 14/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kết quả tự đánh giá tính ổn định, hiệu quả xử lý đối với công trình xử lý nước thải của dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài - Giai đoạn 1”: Các thông số đặc trưng trong nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B, đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Liên Hà Thái.

Từ kết quả kiểm tra thực tế, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường được nêu tại Giấy phép môi trường số 54/GPMT-UBND ngày 14/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND huyện Thái Thụy;
- Lưu: VT, QLMT, TTr.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trường

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ
NAM TÀI THÁI BÌNH

Số: 46 /BBTT/GiP-NTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



Thái Bình, ngày 15 tháng 05 năm 2024

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

Hôm nay, ngày 15 tháng 05 năm 2024, tại văn phòng Công ty Cổ phần Green i-Park, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Đơn vị vận hành): Công ty Cổ phần Green i-Park

Đại diện : Ông **BÙI THẾ LONG** Chức vụ: **Tổng giám đốc**
Trụ sở : Tầng 7, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky Tower, số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại : 02432006921
Mã số thuế : 0108602257

BÊN B (Chủ nguồn thải) : Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình

Đại diện : Ông **PHẠM ANH TÀI**
Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
(theo Giấy ủy quyền số 2912.1/2023/UQ-NTTB ngày 29/12/2023)
Trụ sở : Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), thị trấn
Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
Mã số DN : 1001244145

Xét rằng:

- Công ty Cổ phần Green i -Park là Chủ đầu tư KCN Liên Hà Thái được Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Và Các Khu Công Nghiệp Tỉnh Thái Bình cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư lần đầu ngày 19/02/2021 với mã số dự án 5237475681.
- Công Ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình là nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất của KCN Liên Hà Thái để cho thuê lại nhà xưởng.
- Ngày 14/05/2024 Công ty Cổ phần Green i-Park và Công Ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình ký kết Hợp đồng xử lý nước thải số 06/2024/HĐNT/GiP-NTC để tiếp nhận và xử lý nước thải tại Khu công nghiệp.
- Hiện nay, Công Ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình đang làm thủ tục xin phê duyệt giấy phép môi trường đối với hoạt động xả thải của lô đất thuê lại tại KCN Liên Hà Thái.

Nay, các bên thỏa thuận thống nhất lập Biên bản này với các nội dung như sau:

1. Công Ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình cam kết:

- i. Trong thời hạn tối đa 15 tháng kể từ ngày ký biên bản này, Công Ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình (sau đây gọi tắt là “**Nam Tài**”) hoàn thành việc điều chỉnh và xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trong nội bộ phạm vi địa điểm của Nam Tài bao gồm các thủ tục pháp lý liên quan để đảm bảo nước thải sinh



hoạt của Nam Tài đạt tiêu chuẩn Giá trị C Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT và những nội dung khác liên quan theo quy định của pháp luật thì được xả thải vào nguồn tiếp nhận của KCN.

- ii. Hàng tháng, Nam Tài cử nhân sự có thẩm quyền phối hợp với Công ty Cổ phần Green i-Park (sau đây gọi là “GiP”) tổ chức lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu nước thải để xác định chi phí xử lý nước thải đối với các chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn khi xả thải.
- iii. Trong thời hạn tại mục 1.i của Biên bản này, Nam Tài chịu trách nhiệm thanh toán cho GiP chi phí xử lý các chỉ tiêu nước thải vượt giá trị C Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, cụ thể như sau:

- Đơn giá tính theo đơn giá xử lý hàm lượng COD, với mỗi chỉ tiêu TSS, BOD₅, NH₄⁺ -N (Amoni), N (Tổng nitơ), P (Tổng photpho), Sunfua, Coliform vượt được tính theo hàm lượng COD, tổng hợp đơn giá nước thải bao gồm :

$$\text{Đơn giá tổng (N)} = (N_{COD} + N_{COD} * (N_{TSS} + N_{BOD5} + N_{Amoni} + N_N + N_P + N_S + N_C)) * \text{Lưu lượng tại thời điểm ghi chỉ số đồng hồ}$$

Bảng đơn giá hỗ trợ xử lý nước thải vượt Giá trị C Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT

Cấp độ	Hàm lượng COD (mg/l)	Đơn giá theo N _{COD} (VNĐ/m ³) (Chưa bao gồm VAT)	TSS (N _{TSS})	BOD ₅ (N _{BOD5})	NH ₄ ⁺ -N (Amoni) (N _{Amoni})	N (Tổng nitơ) (N _N)	P (Tổng photpho) (N _P)	Sunfua (N _S)	Coliform (N _C)
1	151 - 200	15.000	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%
2	201 - 300	20.000	20%	20%	20%	20%	20%	20%	20%
3	301 - 400	25.000	30%	30%	30%	30%	30%	30%	30%
4	401 - 600	35.000	40%	40%	40%	40%	40%	40%	40%
5	> 600	45.000	50%	50%	50%	50%	50%	50%	50%

Bảng chỉ tiêu phân tích nước thải hàng tháng

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Ngưỡng vượt Bên A hỗ trợ Bên B xử lý
1	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	<200
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50	<350
3	COD	mg/L	150	<600
4	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	10	<50
5	N (Tổng nitơ)	mg/L	40	<80

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Ngưỡng vượt Bên A hỗ trợ Bên B xử lý
6	P (Tổng photpho)	mg/L	6	<12
7	Sunfua	mg/L	0,5	<8
8	Coliform ^(b)	MPN /100mL	5.000	<25.000
9	pH ^(a,b)	-	5,5 đến 9	Không xử lý/ Áp dụng theo hợp đồng số 06/2024/HĐNT/GiP- NTC
10	Nhiệt độ ^(b)	°C	40	
11	Màu ^(b)	Pt/Co	150	
12	As (Asen) ^(b)	mg/L	0,1	
13	Hg (Thủy ngân) ^(b)	mg/L	0,01	
14	Pb (Chì) ^(b)	mg/L	0,5	
15	Cd (Cadimi) ^(b)	mg/L	0,1	
16	Cr ⁶⁺ (Crom VI) ^(b)	mg/L	0,1	
17	Cr ³⁺ (Crom III) ^(b)	mg/L	1	
18	Cu (Đồng) ^(b)	mg/L	2	
19	Zn (Kẽm) ^(b)	mg/L	3	
20	Ni (Niken) ^(b)	mg/L	0,5	
21	Mn (Mangan) ^(b)	mg/L	1	
22	Fe (Sắt) ^(a,b)	mg/L	5	
23	CN ⁻ (Xianua) ^(b)	mg/L	0,1	
24	Tổng phenol ^(b)	mg/L	0,5	
25	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	10	
26	F ⁻ (Florua) ^(b)	mg/L	10	
27	Cl ⁻ (Clorua) ^(b)	mg/L	1.000	
28	Clo dư ^(b)	mg/L	2	
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(a,b)	mg/L	0,1	
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(b)	mg/L	1	
31	Tổng PCBs ^(b)	mg/L	0,01	

- Trường hợp Nam Tài không hoàn thành việc điều chỉnh và xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo cam kết tại mục 1.i thì Nam Tài sẽ chịu trách nhiệm theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải 06/2024/HĐNT/GiP-NTC ký ngày 14 tháng 05 năm 2024.

2. Biên bản thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và được thành lập 02 (hai) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

Các điều khoản và nội dung khác của Hợp đồng số: 06/2024/HĐNT/GiP-NTC Ký ngày 14 tháng 05 năm 2024 không được nhắc đến trong bản thỏa thuận này được giữ nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN

GREEN i - PARK



TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI THẾ LONG

CÔNG TY TNHH

QUỐC TẾ NAM TÀI THÁI BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM ANH TÀI

Thái Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 02 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài của Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình.

- Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm tra và Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 02/QĐ-NTTB ngày 14/3/2023.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế bản vẽ thi công do: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng quốc tế (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003597) và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng TST (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00002358) lập.

- Chủ trì thiết kế kiến trúc: Kiến trúc sư Đỗ Anh Vũ; Chủ trì thiết kế kết cấu: Kỹ sư Nguyễn Quang Phương; Chủ trì thiết kế điện: Kỹ sư Lê Đức Tú; Chủ trì thiết kế cơ - điện công trình: Kỹ sư Lê Minh Văn; Chủ trì thiết kế cấp, thoát nước: Kỹ sư Bùi Bửu Quốc.

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng (Văn bản số 42/HĐXD-QLKT ngày 17/02/2023 và Văn bản số 234/HĐXD-KT ngày 10/3/2022).

- Cơ quan thẩm duyệt PCCC: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Bình (Văn bản số 296/TD-PCCC&CNCH ngày 27/02/2023 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Bình kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 71/TD-PCCC ngày 28/7/2022 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Bình);

- Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN-00001633).

- Chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc: Kiến trúc sư Nguyễn Văn Minh; Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Kỹ sư Nguyễn Thế Dương; Chủ trì thẩm tra thiết kế cơ - điện: Kỹ sư Trần Trọng Nghĩa; Chủ trì thẩm tra hạ tầng kỹ thuật: Kỹ sư Phạm Diệp Thanh Trúc.

- Tổng số 33 công trình, cụ thể như sau:

2.1. Công trình Nhà văn phòng, điều hành đón tiếp (ký hiệu CC-HH1).

- Vị trí xây dựng: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,8m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường D1, D2 Khu công nghiệp Liên Hà Thái: cách đường D1: 46,9m; đường D2: 182m).

- Diện tích xây dựng tầng 1: 547,02 m².

- Tổng diện tích sàn: 2.234,89 m².

- Chiều cao công trình: 18,3 m.

- Số tầng: 04 tầng.

2.2. Công trình Nhà hỗn hợp dịch vụ, xưởng sản xuất nhỏ: Gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu CC-HH2, CC-HH3).

- Vị trí xây dựng các công trình trên: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Công trình nằm trong khuôn viên đất của dự án. Phù hợp với Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Các chỉ tiêu xây dựng công trình như sau:

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 3.520,0 m².

- + Tổng diện tích sàn: 14.080,0 m².

- + Chiều cao công trình: 20,80 m.

- + Số tầng: 04 tầng.

2.3. Công trình Nhà xưởng (ký hiệu NX1).

- Vị trí xây dựng: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường D1, D2 Khu công nghiệp Liên Hà Thái: cách đường D1: 27,7m; đường D2: 18m).

- Diện tích xây dựng tầng 1: 14.326,72 m².
- Tổng diện tích sàn: 28.653,44 m².
- Chiều cao công trình: 12,80 m.
- Số tầng: 02 tầng.

2.4. Công trình Nhà xưởng: Gồm 14 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu NX2, NX3, NX4, NX5, NX6, NX7, NX8, NX9, NX10, NX11, NX16, NX17, NX19, NX20).

- Vị trí xây dựng các công trình trên: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Công trình nằm trong khuôn viên đất của dự án. Phù hợp với Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Các chỉ tiêu xây dựng công trình như sau:

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 8.249,32 m².
- + Tổng diện tích sàn: 16.498,64 m².
- + Chiều cao công trình: 12,78 m.
- + Số tầng: 02 tầng.

2.5. Công trình Nhà xưởng: Gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu NX12, NX13).

- Vị trí xây dựng các công trình trên: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường D1, D2 Khu công nghiệp Liên Hà Thái):

- + NX12: Đường D1: 126m; Đường D2: 660m.
- + NX13: Đường D1: 126m; Đường D2: 665m.

- Các chỉ tiêu xây dựng công trình như sau:

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 3.224,28 m².
- + Tổng diện tích sàn: 6.448,56 m².

+ Chiều cao công trình: 12,78 m.

+ Số tầng: 02 tầng.

2.6. Công trình Nhà xưởng (ký hiệu NX14).

- Vị trí xây dựng: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường D1, D2 Khu công nghiệp Liên Hà Thái: cách đường D1: 706,7m; đường D2: 18,0m).

- Diện tích xây dựng tầng 1: 4.014,0 m².

- Tổng diện tích sàn: 8.028,0 m².

- Chiều cao công trình: 11,66 m.

- Số tầng: 02 tầng.

2.7 Công trình Nhà xưởng: Gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu NX15, NX18).

- Vị trí xây dựng các công trình trên: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường D1, D2 Khu công nghiệp Liên Hà Thái):

+ NX15: Đường D1: 50,5m; Đường D2: 255m.

+ NX18: Đường D1: 54,9m; Đường D2: 359m.

- Các chỉ tiêu xây dựng công trình như sau:

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 8.208,0 m².

+ Tổng diện tích sàn: 8.496,0 m².

+ Chiều cao công trình: 12,78m.

+ Số tầng: 01 tầng.

2.8 Công trình Nhà xưởng: Gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu NX21, NX22).

- Vị trí xây dựng các công trình trên: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +1,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng cách từ công trình đến chỉ giới đường đỏ (đường D1, D2 Khu công nghiệp Liên Hà Thái):

- + NX21: Đường D1: 364m; Đường D2: 255m.

- + NX22: Đường D1: 369m; Đường D2: 361m.

- Các chỉ tiêu xây dựng công trình như sau:

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 14.376,0 m².

- + Tổng diện tích sàn: 14.928,0 m².

- + Chiều cao công trình: 13,15 m.

- + Số tầng: 01 tầng.

2.9. Công trình Nhà xưởng: Gồm 04 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu NX23, NX24, NX25, NX26).

- Vị trí xây dựng các công trình trên: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +1,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Công trình nằm trong khuôn viên đất của dự án. Phù hợp với Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Các chỉ tiêu xây dựng công trình như sau:

- + Diện tích xây dựng tầng 1: 10.152,0 m².

- + Tổng diện tích sàn: 10.440,0 m².

- + Chiều cao công trình: 13,15 m.

- + Số tầng: 01 tầng.

2.10. Công trình Trạm xử lý nước thải (ký hiệu PT1).

- Vị trí xây dựng: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +1,20m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Công trình nằm trong khuôn viên đất của dự án. Phù hợp với Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 139,95 m².
- Tổng diện tích sàn: 139,95 m².
- Chiều cao công trình: 4,5 m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.11. Công trình Nhà để xe, kết hợp trạm bơm (ký hiệu PT2).

- Vị trí xây dựng: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,30m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Công trình nằm trong khuôn viên đất của dự án. Phù hợp với Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 720,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 720,0 m².
- Chiều cao công trình: 5,0 m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.12. Công trình Nhà để xe (ký hiệu PT3).

- Vị trí xây dựng: Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,15m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Công trình nằm trong khuôn viên đất của dự án. Phù hợp với Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 720,0 m².
- Tổng diện tích sàn: 720,0 m².
- Chiều cao công trình: 3,45 m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.13. Công trình Nhà để xe (ký hiệu PT4).

- Vị trí xây dựng: Tại Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy +0,15m (cốt sân đường nội bộ là +2,7; cốt chuẩn Quốc gia).

- Chỉ giới xây dựng: Công trình nằm trong khuôn viên đất của dự án. Theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài đã được phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-BQLKKT ngày 29/4/2022.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 794,4 m².

- Tổng diện tích sàn: 794,4 m².

- Chiều cao công trình: 3,45 m.

- Số tầng: 01 tầng.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 04767 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 21/11/2022.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND huyện Thái Thụy (để p/h);
- Công thông tin điện tử của Ban;
- Lưu VT, QH (Tr).

Đặng Văn Bắc

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
 - Theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh được Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-NTTB ngày 18/8/2024.
 - Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư điều chỉnh và thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh do: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng quốc tế (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003597) và Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng TST (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00002358) lập.
 - Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh: Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng (Văn bản số 242/HĐXD-QLKT ngày 07/8/2024).
 - Cơ quan thẩm duyệt PCCC: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH-Công an tỉnh Thái Bình (Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1355/TD-PCCC ngày 08/7/2024);
 - Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh: Công ty Cổ phần thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00001081).

2. Điều chỉnh đối với 14 công trình gồm:

2.1. Công trình: Hỗn hợp dịch vụ xưởng sản xuất nhỏ gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu là CC-HH2, CC-HH3).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Chiều cao công trình:	20,80 m	25,80 m

2.2. Công trình Nhà xưởng: Gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu là NX12, NX13).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Chiều cao công trình:	12,78 m	14,28m

2.3. Công trình Nhà xưởng (NX14).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Chiều cao công trình:	11,66 m	13,16 m

2.4. Công trình Nhà xưởng: Gồm 04 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu là NX16, NX17, NX19, NX20).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Diện tích xây dựng:	8.249,32 m ²	8.208,0 m ²
- Tổng diện tích sàn:	16.498,64 m ²	8.496,0 m ²

2.5. Công trình Nhà xưởng: Gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu là NX25, NX26).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy:	+1,30 m	+0,3 m
- Số tầng:	01	02
- Diện tích xây dựng:	10.152,0 m ²	10.201,50 m ²
- Tổng diện tích sàn:	10.440,0 m ²	20.403,0 m ²

- Chiều cao công trình:	13,15m	14,10m
-------------------------	--------	--------

2.6. Công trình Nhà để xe kết hợp trạm bơm (Điều chỉnh tên thành Trạm bơm + bể nước nổi) (ký hiệu là PT2).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Số tầng:	01	01
- Diện tích xây dựng:	720,0 m ²	895,10 m ²
- Tổng diện tích sàn:	720,0 m ²	895,10 m ²
- Chiều cao công trình:	3,25m	5,21 m

2.7. Công trình Nhà để xe (ký hiệu là PT3).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Số tầng:	01	02
- Diện tích xây dựng:	720,0 m ²	720,0 m ²
- Tổng diện tích sàn:	720,0 m ²	1.440,0 m ²
- Chiều cao công trình:	3,25m	7,90m

2.8. Công trình Nhà để xe (ký hiệu là PT4).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Số tầng:	01	02
- Diện tích xây dựng:	794,40 m ²	794,40 m ²
- Tổng diện tích sàn:	794,40 m ²	1.588,80 m ²
- Chiều cao công trình:	3,25m	7,90m

2.9. Một số chỉ tiêu thay đổi cụ thể khác theo thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh được Chủ đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-NTTB ngày 18/8/2024.

- Các chỉ tiêu, thông tin khác của công trình không thay đổi, thực hiện theo Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 20/3/2023.

3. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: Giấy phép xây dựng 02/GPXD có hiệu lực khởi công xây dựng trong vòng 12 tháng kể từ ngày 20/3/2023.

Thái Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2024

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đặng Văn Bắc

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP (lần 2)

1. Nội dung điều chỉnh:

- Theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh (lần 2) được Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 08/QĐ-NTTB ngày 09/10/2024.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư điều chỉnh và thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh (lần 2) do: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng quốc tế (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003597) lập.

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng (Văn bản số 42/HĐXD-QLKT ngày 17/02/2023).

- Cơ quan thẩm duyệt PCCC: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH-Công an tỉnh Thái Bình (Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 71/TD-PCCC ngày 28/7/2022);

- Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh (lần 2): Công ty Cổ phần thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp (Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00001081).

2. Điều chỉnh đối với 04 công trình gồm:

2.1. Công trình Nhà xưởng: Gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu là NX21, NX22).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy:	+1,30 m	+0,3 m
- Chiều cao công trình:	13,15m	12,15m

2.2. Công trình Nhà xưởng: Gồm 02 công trình có kích thước, diện tích, thiết kế giống nhau (ký hiệu là NX23, NX24).

Chỉ tiêu, thông tin điều chỉnh	GPXD đã cấp (số 02/GPXD)	GPXD điều chỉnh
- Cốt nền xây dựng công trình cao hơn cốt sân đường nội bộ nhà máy:	+1,30 m	+0,3 m
- Chiều cao công trình:	13,15m	12,15m

2.3. Một số chỉ tiêu thay đổi cụ thể khác theo thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh được Chủ đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 08/QĐ-NTTB ngày 10/10/2024.

- Các chỉ tiêu, thông tin khác của các công trình không thay đổi, thực hiện theo Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 20/3/2023.

3. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: Giấy phép xây dựng 02/GPXD có hiệu lực khởi công xây dựng trong vòng 12 tháng kể từ ngày 20/3/2023.

Thái Bình, ngày 10 tháng 10 năm 2024

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đặng Văn Bắc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 799/CV-PCCC ngày 22/7/2022 của: Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình - Công ty Nam Tai Group PTE. LTD.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Phạm Minh Nam. Chức vụ: Chủ tịch Công ty.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:

Dự án: Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài.

Địa điểm xây dựng: Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình - Công ty Nam Tai Group PTE. LTD..

Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Quốc tế, Công ty Cổ phần phát triển xây dựng Liên Việt.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa; hạng nguy hiểm cháy nổ và bố trí công năng; khoảng cách an toàn PCCC; đường giao thông, bãi đỗ phục vụ cho xe chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp thoát nạn; giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn; giải pháp chống tụ khói; hệ thống chống sét; hệ thống chữa cháy bằng nước, hệ thống báo cháy tự động; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC; trang bị bình chữa cháy, nội quy, tiêu lệnh PCCC; dụng cụ phá dỡ thông thường và chữa cháy thô sơ.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Thái Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Nơi nhận:

- C07/BCA;
- Sở Xây dựng;
- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC07 (TM)



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Phạm Huy Đảm

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU,

BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ

VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 71/TD-PCCC ngày 20/.../7/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Thái Bình)

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I.	QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN	
	- Tổng diện tích đất sử dụng: 419,421.00 m²; - Đất xây dựng công trình công cộng, hỗn hợp: 7,652.00 m², trong đó: + Nhà văn phòng, điều hành, đón tiếp (CC-HH1): 04 tầng, diện tích 612 m²; + Hỗn hợp dịch vụ, xưởng sản xuất nhỏ (CC-HH2): 04 tầng, diện tích 3520 m²; + Hỗn hợp dịch vụ, xưởng sản xuất nhỏ (CC-HH3): 04 tầng, diện tích 3520 m²; - Đất xây dựng công trình nhà xưởng sản xuất: 232,582.00 m², trong đó: + Nhà xưởng 1 (NX1): 02 tầng, diện tích 14,592.00 m²; + Nhà xưởng 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 16, 17, 19, 20: (NX1, NX2, NX3, NX4, NX5, NX6, NX7, NX8, NX9, NX10, NX11, NX16, NX17, NX19, NX20): 02 tầng, diện tích 8,448.00 m²; + Nhà xưởng 15, 18 (NX15, NX 18): 02 tầng, diện tích 8,448.00 m²; + Nhà xưởng 12, 13 (NX12, NX 13): 02 tầng, diện tích 3,316.00 m²; + Nhà xưởng 14 (NX14): 02 tầng, diện tích 4,014.00 m²; + Nhà xưởng 21, 22 (NX21, NX22): 02 tầng, diện tích 14,928.00 m²; + Nhà xưởng 23, 24, 25, 26 (NX23, NX24, NX25, NX26): 02 tầng, diện tích 10,580.00 m². - Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ: 8,115 .00 m²; - Đất cây xanh: 84,043.80 m²; - Đất giao thông, bãi (sân) đỗ xe: 87,028.20 m².	
II.	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1.	Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, kết cấu: A-MP-11-01 đến A-MP-11-03, A-00-01-01 đến A-00-01-03, A-CC-HH1-100 đến A-CC-HH1-405, A-CC-HH2/HH3-00-01 đến A-CC-HH2/HH3-51-02, A-NBV01-11-01 đến A-NBV04-21-01, A-NX1-00-01 đến A-NX1-51-03, A-NX2-00-01 đến A-NX2-51-02, A-NX12-00-01 đến A-NX12-51-03, A-NX14-00-01 đến A-	Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Quốc tế.

	NX14-51-03, A-NX15, NX18-00-01 đến A-NX15, NX18-51-02, A-NX21/NX22-11-01 đến A-NX21/NX22-31-01, A-NX23-00-01 đến A-NX23-51-02, A-XLNT-11-02 đến A-XLNT-01-01, A-U-PT2-00-01 đến A-U-PT2-11-02, A-U-PT3-01-01 đến A-U-PT3-21-01, A-U-PT4-00-01 đến A-U-PT4-31-01, A-KIOS-11-01 đến A-KIOS-21-02; S-03-10-01 đến S-03-50-03; S-CC-HH2/HH3-SPEC1 đến S-CC-HH2/HH3-40-03; S-NBV01-20-01 đến S-NBV04-40-02, S-NX1-SPEC1 đến S-NX1-60-05, S-NX2-SPEC1 đến S-NX2-60-04, S-NX12-SPEC1 đến S-NX12-60-04, S-NX14-SPEC1 đến S-NX14-60-04, S-NX15/NX18-SPEC1 đến S-NX15/NX18-61-06, S-NX21-SPEC-01 đến S-NX21-60-04, S-NX23-SPEC-01 đến S-NX23-60-04, S-UT-00 đến S-UT-51-02, S-U-PT2a-11.00 đến S-U-PT2b-11.05, S-U-PT3-00 đến S-U-PT3-40-01, S-U-PT4-00 đến S-U-PT4-40-01.	
2.	Bản vẽ hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố, hệ thống hút khói, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sprinkler và phương tiện chữa cháy khác: DS-01, PC-01 đến PC-172.	Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần phát triển xây dựng Liên Việt.
3.	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01, CS-02.	
4.	Thuyết minh thiết kế hệ thống, phương tiện PCCC.	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng.

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (PCCC)

Hồi 07 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 06 năm 2024.

Tại dự án: Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài tại Thái Bình.

Phạm vi nghiệm thu: Giai đoạn 3 của dự án (86.776,00 m²/303.597,00 m²).

Địa chỉ: Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green IP-1), Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình.

Lần kiểm tra: 01.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an tỉnh Thái Bình:

- Đ/c Thượng tá Nguyễn Việt Tân - Phó Trưởng phòng - Trưởng đoàn kiểm tra;
- Đ/c Trung tá Lê Văn Tuyền - Đội trưởng Đội Tham mưu - Thành viên;
- Đ/c Trung tá Nguyễn Quốc Tuấn - Phó Đội trưởng Đội công tác Phòng cháy - Thành viên;
- Đ/c Thượng úy Nguyễn Văn Dũng - Cán bộ Đội Tham mưu - Thành viên;
- Đ/c Trung úy Nguyễn Tiến Nam - Cán bộ Đội Tham mưu - Thành viên;
- Đ/c Thượng úy Lâm Ngọc Tuấn - Cán bộ Đội Tham mưu - Thành viên kiêm Thư ký đoàn kiểm tra.

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài tại Thái Bình đề nghị của chủ đầu tư tại văn bản số 040/2024/ĐNN-T-PCCC ngày 07/05/2024 và Kế hoạch kiểm tra của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thái Bình.

Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| - Ông: Phạm Minh Nam | Chức vụ: Chủ tịch Công ty; |
| - Ông: Phạm Anh Tài | Chức vụ: Tổng giám đốc; |
| - Ông: Phạm Hữu Hùng | Chức vụ: Giám sát CĐT. |

Đại diện nhà thầu thi công xây dựng hạ tầng, nhà xưởng NX17, NX20: Công ty Cổ phần ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng

- | | |
|----------------------|-----------------------------|
| - Ông: Vũ Tuấn Dũng | Chức vụ: Phó Tổng giám đốc; |
| - Ông: Trần Văn Biễn | Chức vụ: Giám đốc dự án; |
| - Ông: Hán Minh Trí | Chức vụ: Chỉ huy trưởng. |

Đại diện nhà thầu thi công xây dựng nhà xưởng NX4: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vitecons

- Ông: Phan Huy Vĩnh Chức vụ: Tổng giám đốc;
- Ông: Đặng Tiến Dũng Chức vụ: Giám đốc dự án;
- Ông: Lê Quang Vũ Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện nhà thầu thi công xây dựng nhà xưởng NX22, NX23, NX24: Công ty Cổ phần Xây dựng Qualipro

- Ông: Lê Chí Lực Chức vụ: Tổng Giám đốc;
- Ông: Nguyễn Quang Khôi Chức vụ: Giám đốc dự án.

Đại diện nhà thầu thi công xây dựng nhà xưởng NX3, NX7, NX8: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đông Sơn

- Ông: Hách Thanh Toàn Chức vụ: Tổng Giám đốc;
- Ông: Nguyễn Anh Tuấn Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện nhà thầu thi công kết cấu thép nhà xưởng NX17, NX20: Công ty TNHH vật tư thiết bị Tuấn Long

- Ông: Nghiêm Xuân Thuấn Chức vụ: Tổng giám đốc;
- Ông: Lê Văn Việt Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện nhà thầu thi công kết cấu thép nhà xưởng NX3, NX7, NX8, NX22, NX23, NX24: Công ty Cổ phần Nhà khung thép và Thiết bị Công nghiệp

- Ông: Phạm Đức Lâm Chức vụ: Tổng giám đốc;
- Ông: Thái Đình Sơn Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện nhà thầu thi công hệ mái nhà xưởng NX3, NX7, NX8, NX17, NX20, NX22, NX23, NX24: Liên danh Công ty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam và Công ty Cổ phần Thương mại và xây lắp An Bình Phát

- Ông: Trương Hoàng Thanh Chức vụ: Tổng giám đốc;
- Ông: Đinh Văn Dũng Chức vụ: Phụ trách triển khai dự án;
- Ông: Nguyễn Viết Ban Chức vụ: Giám đốc;
- Ông: Đoàn Văn Thái Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện nhà thầu thi công thang máy nhà xưởng NX3, NX4, NX7, NX8: Công ty Cổ phần Thang máy Dong Yang Chiến Thắng

- Ông: Nguyễn Như Định Chức vụ: Giám đốc;
- Ông: Vũ Văn Tài Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện nhà thầu thi công hệ thống PCCC hạ tầng ngoài nhà và tủ trung tâm báo cháy: Công ty cổ phần phát triển xây dựng Liên Việt

- Ông: Phạm Bùi Trung Chức vụ: Tổng giám đốc;
- Ông: Nguyễn Mạnh Tường Chức vụ: Giám đốc điều hành;
- Ông: Đỗ Xuân Thịnh Chức vụ: Phó giám đốc kỹ thuật.

Đại diện nhà thầu thi công hệ thống PCCC trong nhà xưởng, vách kính chống cháy: Công ty Cổ phần PCCC và Cơ điện Bạch Đằng

- Ông: Dương Thuỷ Nguyên Chức vụ: Giám đốc;
- Ông: Bùi Tiến Đức Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện đơn vị tư vấn giám sát xây dựng: Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam

- Ông: Lê Tuấn Hà. Chức vụ: Giám đốc;
- Ông: Phạm Đình Quân Chức vụ: TVGS Trưởng;
- Ông: Phạm Ngọc Nam Chức vụ: Tư vấn giám sát PCCC.

Đại diện đơn vị tư vấn giám sát PCCC: Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Viễn Đông

- Ông: Trần Văn Biên Chức vụ: Tổng giám đốc;
- Ông: Lê Việt Hải Chức vụ: Tư vấn giám sát PCCC.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TÁC THI CÔNG

Tại buổi kiểm tra, Chủ đầu tư báo cáo kết quả thi công, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và nghiệm thu các hệ thống, thiết bị và giải pháp PCCC như sau:

1. Quy mô dự án (giai đoạn 3):

- * Tổng diện tích khu đất còn lại: 303.597,00 m²;
- * Diện tích đất xây dựng các hạng mục đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu: 86.776,00 m², trong đó:
 - Nhà xưởng 3, 4, 7, 8 (NX3, NX4, NX7, NX8): 02 tầng, diện tích 8448,00 m;
 - Nhà xưởng 17, 20 (NX17, NX20): 02 tầng, diện tích 8.448,00 m²;
 - Nhà xưởng 22 (NX22): 02 tầng, diện tích 14.928,00 m²;
 - Nhà xưởng 23, 24 (NX23, NX24): 02 tầng, diện tích 10.580,00 m²;
 - Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà gồm 8 trụ cấp nước chữa cháy.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ.

3. Đánh giá về kết quả thi công, nghiệm thu: Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

3.1. Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đảm bảo số lượng, thành phần quy định tại điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

3.2. Về công tác thi công, lắp đặt: Đã đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt.

4. Đối với các bộ phận, công trình khi thi công bị che khuất như: phần đường ống, dây dẫn,...đi âm trong tường, trên trần giả, chôn ngầm... đều đã được nghiệm thu trước khi thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

5. Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra đánh giá về công tác PCCC đối với các hạng mục thuộc giai đoạn 3 của “Dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài”.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư và các đơn vị thi công chuẩn bị theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ, hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC (kèm theo văn bản ủy quyền) của chủ đầu tư;

- Bản sao các giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC kèm theo hồ sơ đã được đóng dấu thẩm duyệt của cơ quan Cảnh sát PCCC:

- + Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 71/TD-PCCC ngày 28/7/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an tỉnh Thái Bình;

- + Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 296/TD-PCCC&CNCH ngày 27/2/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an tỉnh Thái Bình;

- + Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 1526/TD-PCCC&CNCH ngày 16/6/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an tỉnh Thái Bình.

- + Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 242/TD-PCCC ngày 07/02/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an tỉnh Thái Bình.

- Bản sao các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đã lắp đặt tại công trình:

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 228/KĐ-PCCC ngày 09/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bắc Ninh cấp cho thiết bị máy bơm chữa cháy động cơ điện $P=160\text{ Kw}$, $Q = 300\text{--}800\text{ m}^3/\text{h}$; $H = 90\text{--}60.4\text{ m}$; máy bơm chữa cháy động cơ diesel $P=160\text{ Kw}$, $Q = 300\text{--}800\text{ m}^3/\text{h}$; $H = 90\text{--}60.4\text{ m}$ và máy bơm chữa cháy (bơm bù áp); mã: IVM12x17/7.5+YE3-315S1-2.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 06/KĐ-PCCC ngày 28/04/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai cấp cho thiết bị trụ nước chữa cháy loại nổi 03 cửa, mã: FHDF-0100-16-2DR.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 304/KĐ-PCCC-Đ2 và số 305/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 28/05/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho thiết bị đầu nổi chữa cháy cho van góc DN50.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 3374/KĐ-PCCC-P7 ngày 11/08/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị van báo động D125.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 207/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 22/06/2023 do của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho thiết bị bình chữa cháy xách tay dạng bột ABC loại 4kg và thiết bị bình chữa cháy xách tay khí CO2 loại 3kg.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 128/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 28/04/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho thiết bị lăng phun chữa cháy DN50, cuộn vòi chữa cháy DN50.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 3989/KĐ-PCCC-P7 ngày 26/09/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị đầu phun chữa cháy tự động loại hướng lên, $k = 8.0$, D20, $t = 68^\circ\text{C}$.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 183/KĐ-PCCC-P7 ngày 14/01/2022 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị đầu báo cháy khói quang loại thường, chuông báo cháy.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 1465/KĐ-PCCC-P7 ngày 11/04/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị tủ trung tâm báo cháy 24 kênh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 545/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 08/12/2023 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho thiết bị tủ trung tâm báo cháy 16, 32, 40 kênh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 596/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 26/12/2023 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho thiết bị tủ trung tâm báo cháy 40 kênh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 01/KĐ-PCCC ngày 03/01/2024 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho thiết bị đèn báo cháy (loại thường), đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 4813/KĐ-PCCC-P6 ngày 16/11/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị nút ấn báo cháy (loại thường).

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 2843/KĐ-PCCC-P7 ngày 12/07/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị đèn chỉ dẫn thoát nạn và thiết bị đèn chiếu sáng sự cố.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 2134/KĐ-PCCC-P7 ngày 05/06/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị van chặn lửa MFD của hệ thống HKSC.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 2634/KĐ-PCCC-P7 ngày 30/06/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị cửa cuốn ngăn cháy.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 1761/KĐ-PCCC-P7 ngày 11/05/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị cửa thép ngăn cháy 1 cánh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 1762/KĐ-PCCC-P7 ngày 12/05/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho thiết bị cửa thép ngăn cháy 2 cánh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 839/KĐ-PCCC-P6 ngày 19/03/2024 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho vách kính ngăn cháy giữa nhà văn phòng và nhà xưởng.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy chữa cháy số 2659/KĐ-PCCC-P7 ngày 04/07/2023 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho cửa tầng thang máy.

+ Kết quả đo điện trở tiếp địa hệ thống chống sét theo số: 1-4 13/03/2024/ISTI-KQTN ngày 14/03/2024 cấp bởi Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật thử nghiệm và kiểm

định Công Nghiệp - Trung tâm thí nghiệm M&E-LAS-XD 24.023 cho dự án xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài.

- Bản sao các hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư với các đơn vị nhà thầu thi công, tư vấn giám sát gồm:

+ Hợp đồng số PU-NTT-23.73 ký ngày 08/05/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Liên danh Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Viễn Đông (Tư vấn giám sát Xây dựng và PCCC các nhà xưởng Giai đoạn 3);

+ Hợp đồng số 02/2023/NTTB-VTC ký ngày 17/07/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vitecons (Thi công nhà xưởng NX4);

+ Hợp đồng số 02/2023/NTTB-CJSC ký ngày 01/07/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng (Thi công nhà xưởng NX17, NX20, hạ tầng giao thông);

+ Hợp đồng số 01/2023/NTTB-ĐS ký ngày 17/07/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Đông Sơn (Thi công nhà xưởng NX3, NX7, NX8);

+ Hợp đồng số 01/2023/NTTB-QP ký ngày 17/07/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần Xây dựng Qualipro (Thi công nhà xưởng NX22, NX23, NX24);

+ Hợp đồng số 01/2023/NTTB-TL ký ngày 17/07/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty TNHH Vật tư thiết bị Tuấn Long (Thi công kết cấu thép nhà xưởng NX17, NX20);

+ Hợp đồng số NAMTAI/SEICO/KCT/2023/07/16 ký ngày 17/07/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần Nhà khung thép và Thiết bị công nghiệp (Thi công kết cấu thép nhà xưởng NX3, NX7, NX8, NX22, NX23, NX24);

+ Hợp đồng số 01/2023/NTTB-BLS-ABP ký ngày 17/07/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Liên danh Công ty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam và Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp An Bình Phát (Cung cấp vật tư và thi công hệ mái nhà xưởng NX3, NX7, NX8, NX17, NX20, NX22, NX23, NX24);

+ Hợp đồng số 020324/NT-DGCT ký ngày 08/03/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần Dong Yang Chiến Thắng (Cung cấp vật tư và thi công thang máy nhà xưởng NX3, NX4, NX7, NX8);

+ Hợp đồng số 010223/HĐ/NTTB-PCBD/2023 ký ngày 14/12/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Cơ điện Bạch Đằng (Thi công hệ thống PCCC, cửa chống cháy, vách kính chống cháy NX3, NX4, NX7, NX8, NX17, NX20, NX22, NX23, NX24);

+ Hợp đồng số 0203/HĐ/QTNTTB-LIVICO/2023 ký ngày 20/03/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình và Công ty Cổ phần phát triển Xây dựng Liên Việt (Thi công hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, lắp đặt tủ trung tâm báo cháy).

- Các Biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể hệ thống PCCC: Các biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào; Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị; Các biên bản thử nghiệm đơn động; Biên bản thử nghiệm liên động của hệ thống; Biên bản nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC.

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC;

- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC và các hệ thống liên quan đến PCCC của công trình;

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC của đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống PCCC:

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 246/GXN-PCCC ngày 12/11/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Viễn Đông (đơn vị tư vấn giám sát).

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 09/GXN-PCCC ngày 05/10/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần PCCC và cơ điện Bạch Đằng (đơn vị thi công hệ thống PCCC trong xưởng).

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 46/GXN-PCCC ngày 12/12/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty Cổ phần phát triển xây dựng Liên Việt (đơn vị thi công hệ thống PCCC hạ tầng, tủ báo cháy).

Nhận xét, đánh giá: Hồ sơ đảm bảo thành phần theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ, THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG PCCC VÀ HỆ THỐNG LIÊN QUAN ĐẾN PCCC

Kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả nghiệm của chủ đầu tư với hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC và thử nghiệm xác suất hoạt động của hệ thống PCCC và hệ thống liên quan đến PCCC tại dự án.

3.1. Về bậc chịu lửa:

- Nhà xưởng 3, 4, 7, 8 (NX3, NX4, NX7, NX8): Cột, dầm tầng 1, sàn giữa hai tầng làm bằng bê tông cốt thép; cột, kèo chịu lực tầng 2 làm bằng kết cấu thép không có biện pháp bảo vệ bổ sung làm tăng giới hạn chịu lửa; tường bao quanh bằng gạch kết hợp thưng tôn; mái tôn dày 0.53 mm. Đạt bậc chịu lửa IV.

- Nhà xưởng 17, 20, 22, 23, 24 (NX17, NX20, NX22, NX23, NX24): Cột, kèo chịu lực làm bằng kết cấu thép không có biện pháp bảo vệ bổ sung làm tăng giới hạn chịu lửa; tường bao quanh bằng gạch kết hợp thưng tôn; mái tôn dày 0.53 mm. Đạt bậc chịu lửa IV.

Nhận xét, đánh giá: Đảm bảo bậc chịu lửa theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.2. Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ:

- Nhà xưởng số 3, 4, 7, 8, 17, 20, 22, 23, 24: Bố trí mặt bằng trống để cho nhà đầu tư thứ cấp thuê.

- Các hạng mục phụ trợ khác bố trí công năng theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

Nhận xét, đánh giá: Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ của các hạng mục theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.3. Về đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy

- Phía bên ngoài: Giai đoạn 3 kéo dài tuyến đường nội bộ giáp tuyến đường quy hoạch N2 trong khu công nghiệp Liên Hà Thái với 02 làn đường có chiều rộng thông thủy trên 7 m, chiều cao không hạn chế, tải trọng đảm bảo cho các xe chữa cháy, CNCH tại địa phương hoạt động bình thường.

- Phía trong công trình: Có đường nội bộ bố trí theo toàn bộ chu vi công trình nhà xưởng 3, 4, 7, 8, 17, 20, 22, 23, 24 với chiều rộng thông thủy đảm bảo tối thiểu trên 4 m, chiều cao thông thủy không hạn chế. Đường giao thông bên trong cơ sở bằng phẳng, tải trọng nền đường đảm bảo cho xe chữa cháy và CNCH tại địa phương hoạt động bình thường.

- Công trình nhà xưởng 3, 4, 7, 8, 17, 20, 22, 23, 24 đều được bố trí bãi đỗ cho xe chữa cháy tại tuyến đường nội bộ với quy cách (kích thước, tải trọng, độ dốc, đánh dấu nhận biết, biển báo.....) đảm bảo theo quy định tại QCVN 06:2022/BXD.

- Khoảng cách từ mép đường đến vị trí họng lấy nước, họng tiếp nước vào hệ thống: Không quá 1 m.

Nhận xét, đánh giá: Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy đảm bảo cho các phương tiện chữa cháy và CNCH hoạt động bình thường, phù hợp theo thiết kế được thẩm duyệt.

3.4. Về khoảng cách an toàn PCCC:

* Khoảng cách từ các hạng mục công trình đến tường rào: Cách tường rào về các hướng đều lớn hơn 15 m.

* Khoảng cách giữa các hạng mục công trình với nhau:

- Từ nhà xưởng 3 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.
- Từ nhà xưởng 4 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.
- Từ nhà xưởng 7 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.
- Từ nhà xưởng 8 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.
- Từ nhà xưởng 17 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.
- Từ nhà xưởng 20 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.
- Từ nhà xưởng 22 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.
- Từ nhà xưởng 23 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.
- Từ nhà xưởng 24 đến các công trình kế cận: Tối thiểu 12 m.

Nhận xét, đánh giá: Khoảng cách an toàn PCCC đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.5. Về giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

* Diện tích khoang cháy:

- Nhà xưởng 3, 4, 7, 8 (NX3, NX4, NX7, NX8): 02 tầng, diện tích khoang cháy không quá 8.448,00 m²;
- Nhà xưởng 17, 20 (NX17, NX20): 02 tầng (trong đó: Khu nhà xưởng 01 tầng, khu văn phòng 02 tầng), diện tích khoang cháy không quá 8.448,00 m²;
- Nhà xưởng 22 (NX22): 02 tầng (trong đó: Khu nhà xưởng 01 tầng, khu văn phòng 02 tầng), diện tích khoang cháy không quá 14.928,00 m²;
- Nhà xưởng 23, 24 (NX23, NX24): 02 tầng (trong đó: Khu nhà xưởng 01 tầng, khu văn phòng 02 tầng), diện tích khoang cháy không quá 10.580,00 m²;

* Các bộ phận ngăn cháy: Các tường ngăn cháy, sàn ngăn cháy, cửa chống cháy..... được thi công đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.



* Ngăn cháy theo chiều đứng: Các vị trí đường ống kỹ thuật, dây dẫn và cáp tín hiệu đi xuyên qua sàn ngăn cháy đều được chèn bịt kín bằng vữa bê tông.

* Ngăn cháy theo phương ngang: Đảm bảo diện tích khoang cháy theo thiết kế được thẩm duyệt, các tường ngăn cháy được xây dựng trên toàn bộ chiều cao của nhà. Bên trong công trình không bố trí các đường ống, kênh, giếng vận chuyển chất vật liệu cháy đi xuyên qua các bộ phận ngăn cháy (tường, sàn.....).

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan được thi công đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.6. Về giải pháp thoát nạn:

* Nhà xưởng số 3, 4, 7, 8:

- Đối với gian phòng: Bố trí không ít hơn 02 lối thoát nạn.

- Đối với tầng nhà:

+ Tầng 2: Bố trí 02 lối thoát nạn qua cầu thang bộ loại 3 và 04 lối thoát nạn qua cầu thang bộ loại 1.

+ Tầng 1: Bố trí 12 lối thoát nạn ra bên ngoài công trình.

* Nhà xưởng số 17, 20:

- Đối với gian phòng: Bố trí không ít hơn 02 lối thoát nạn.

- Đối với tầng nhà:

+ Tầng 1: Bố trí 12 lối thoát nạn trực tiếp ra bên ngoài.

+ Tầng 2: Bố trí 02 lối thoát nạn qua cầu thang bộ loại 1.

* Nhà xưởng số 22:

- Đối với gian phòng: Bố trí không ít hơn 02 lối thoát nạn.

- Đối với tầng nhà:

+ Tầng 1: Bố trí 15 lối thoát nạn trực tiếp ra bên ngoài.

+ Tầng 2: Bố trí 04 lối thoát nạn qua cầu thang bộ loại 1.

* Nhà xưởng số 23, 24:

- Đối với gian phòng: Bố trí không ít hơn 02 lối thoát nạn.

- Đối với tầng nhà:

+ Tầng 1: Bố trí 08 lối thoát nạn trực tiếp ra bên ngoài.

+ Tầng 2: Bố trí 02 lối thoát nạn qua cầu thang bộ loại 1.

- Các lối thoát nạn của các hạng mục được bố trí phân tán, cửa thoát nạn mở theo chiều thoát nạn, có kích thước thông thủy đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt. Các cầu thang bộ thoát nạn loại 1, loại 3 thi công theo đúng quy cách được duyệt (vật liệu; kích thước: bần thang, chiều thang, bậc thang, độ dốc, khe hở vế thang, lỗ lấy sáng buồng thang.....).

- Các đường thoát nạn bên trong các hạng mục công trình được có chiều rộng thông thủy không nhỏ hơn 1,2 m, chiều cao thông thủy không nhỏ hơn 2,2 m, toàn bộ đường thoát nạn đảm bảo thông thoáng, không có vật cản, không bố trí vật liệu cháy.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp thoát nạn đảm bảo theo thiết kế được thẩm duyệt.

3.7. Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn

* Lối vào từ trên cao:

- Nhà xưởng 3, 4, 7, 8: Khu vực tầng 2 bố trí 10 lối vào từ trên cao đối diện với bãi đỗ cho xe chữa cháy. Quy cách của các lối vào từ trên cao (kích thước, dấu hiệu nhận biết.....) đảm bảo theo quy định tại QCVN 06:2022/BXD.

* Thang chữa cháy: Mỗi hạng mục nhà xưởng số 3, 4, 7, 8, 17, 20, 22, 23, 24 bố trí 02 thang chữa cháy loại P1, làm bằng thép với các thông số kỹ thuật (bán kính cung tròn, chiều rộng thang, khoảng cách đến các ô cửa, lỗ mở...) đảm bảo theo thiết kế được duyệt.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.8. Về giải pháp chống tụ khói:

- Chủ đầu tư lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức cho các nhà xưởng sản xuất bố trí như sau:

+ Nhà xưởng số 3, 4, 7, 8: Bố trí 04 quạt ly tâm lưu lượng 81.000 m³/h, 600 Pa thời gian chịu nhiệt 2 giờ ở 300°C.

+ Nhà xưởng số 17, 20: Bố trí 04 quạt li tâm lưu lượng 81.000 m³/h, 600 Pa thời gian chịu nhiệt 2 giờ ở 300°C.

+ Nhà xưởng số 22: Bố trí 08 quạt li tâm lưu lượng 81.000 m³/h, 600 Pa thời gian chịu nhiệt 2 giờ ở 300°C.

+ Nhà xưởng số 23, 24: Bố trí 04 quạt li tâm lưu lượng 81.000 m³/h, 600 Pa thời gian chịu nhiệt 2 giờ ở 300°C.

- Đường ống hút khói sử dụng thép mạ kẽm dày 1.2 mm, toàn bộ chiều dài đường ống được bảo vệ bằng hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bên trên và bên dưới.

- Nguồn điện cấp cho hệ thống: Là nguồn ưu tiên, cấp cấp nguồn là cấp chống cháy.
- Quạt hút khói đặt bên ngoài nhà, miệng thổi được bọc lưới chắn côn trùng bằng thép.
- Khi có cháy, các cửa hút khói được điều khiển bằng 2 cách: Khởi động cưỡng bức bằng nút ấn bật tắt tại phòng bảo vệ và khởi động tự động qua tín hiệu báo cháy.
- Các cửa hút khói bố trí cách nhau không quá 30 m. Cửa thải khói bố trí bên ngoài nhà, cách mặt đất trên 2 m, cách miệng các ô cửa mở trên 5 m (trong phạm vi xung quang cửa thải 5 m không có miệng lấy gió vào của hệ thống cấp khí).
- Kiểm tra khả năng liên động của hệ thống báo cháy đến hệ thống hút khói: Khi có tín hiệu báo cháy, tín hiệu được truyền về tủ trung tâm báo cháy. Sau 30 giây kể từ khi có tín hiệu báo cháy, module điều khiển hệ thống quạt hút khói kích hoạt hệ thống vận hành, đồng thời các quạt cấp khí tươi được điều khiển tạm dừng hoạt động.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp chống tụ khói được thi công đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.9. Phương án chống sét:

Hệ thống chống sét đã được lắp đặt ở giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của dự án bao gồm 05 kim thu sét chủ động phát tia tiên đạo sớm có bán kính bảo vệ 188m và 01 kim thu sét chủ động phát tia tiên đạo sớm có bán kính bảo vệ 145m loại Liva. Các thiết bị của hệ thống chống sét được liên kết với nhau bằng phương pháp hàn. Điện trở nối đất của hệ thống đảm bảo dưới 10 ôm.

Nhận xét, đánh giá: Phương án chống sét đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.10. Về hệ thống báo cháy tự động:

- Hệ thống báo cháy của công trình là hệ thống báo cháy bán địa chỉ gồm 01 tủ trung tâm báo cháy địa chỉ loại Hochiki 04 loop (giám sát chung) kết nối với các tủ trung tâm báo cháy loại theo vùng tại các hạng mục, cụ thể như sau:

+ Nhà xưởng 3, 4, 7, 8: Mỗi nhà xưởng bố trí 01 tủ trung tâm báo cháy 40 kênh loại theo vùng của Hochiki;

+ Nhà xưởng 17, 20: Mỗi nhà xưởng bố trí 01 tủ trung tâm báo cháy 16 kênh loại theo vùng của Hochiki;

+ Nhà xưởng 22: Bố trí 01 tủ trung tâm báo cháy 32 kênh loại theo vùng của Hochiki;

+ Nhà xưởng 23, 24: Mỗi nhà xưởng bố trí 01 tủ trung tâm báo cháy 24 kênh loại theo vùng của Hochiki;

- Các tủ trung tâm được phân vùng điều khiển đảm bảo theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.

- Tủ báo cháy Hochiki 04 loop đặt tại phòng bảo vệ số 1 có người trực 24/24 giờ đều bố trí trên tường ở độ cao từ 0,8 - 1,8 m, được nối đất an toàn và liên động giám sát, điều khiển các hệ thống kỹ thuật khác gồm: Giám sát van chặn của hệ thống sprinkler, hệ thống hút khói, hệ thống cửa cuốn chống cháy và hệ thống cấp điện cho dự án.

- Các tủ trung tâm báo cháy của hạng mục nhà xưởng 3, 4, 7, 8, 17, 20, 22, 23, 24 đều bố trí trên tường ở độ cao từ 0,8 - 1,8 m, được nối đất an toàn và giám sát, điều khiển các hệ thống khác gồm: Giám sát van chặn của hệ thống sprinkler, đầu báo khói, hệ thống hút khói và các thiết bị ngoại vi khác theo thiết kế thẩm duyệt.

- Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Kiểm tra thi công lắp đặt nút ấn báo cháy, chuông đèn báo cháy, đầu báo cháy, tủ trung tâm báo cháy, dây dẫn và cáp tín hiệu: Các thiết bị được lắp đặt đảm bảo quy cách, chủng loại theo tiêu chuẩn thiết kế và hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.

+ Kiểm tra thử nghiệm hoạt động của hệ thống báo cháy (nút ấn, đầu báo cháy...): Khi có tác động giả định từ đám cháy, các đầu báo cháy gửi tín hiệu về tủ trung tâm báo cháy. Tủ trung tâm báo cháy ngay lập tức kích hoạt hệ thống chuông, đèn báo cháy.

+ Kiểm tra khả năng liên động với các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan: Khi có tác động giả định từ đám cháy, các đầu báo cháy gửi tín hiệu về tủ trung tâm báo cháy. Tủ trung tâm báo cháy ngay lập tức kích hoạt hệ thống chuông, đèn báo cháy. Sau 30 giây kể từ khi có tín hiệu báo cháy module điều khiển hệ thống quạt hút khói kích hoạt hệ thống vận hành, đồng thời các quạt cấp khí tươi được điều khiển tạm dừng hoạt động; sau 180 giây kể từ khi nhận được tín hiệu báo cháy từ đầu báo, module tại phòng hạ thế kích hoạt ngắt nguồn điện lưới, chuyển hệ thống điện của tòa nhà về sử dụng nguồn điện ưu tiên. Ngoài ra còn liên động điều khiển hệ thống cửa cuốn chống cháy tại nhà xưởng, tín hiệu giám sát van chặn của hệ thống cấp nước theo thiết kế được duyệt.

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống báo cháy tự động được thi công, lắp đặt đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.11. Về hệ thống cấp nước chữa cháy:

3.11.1 Trạm bơm chữa cháy: Dự án trang bị 01 cụm bơm chữa cháy gồm: 02 máy bơm chữa cháy chính động cơ điện có $P = 160 \text{ kW}$; $Q = 300 - 800 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp

H= 90-60.4 mcn; 01 máy bơm dự phòng động cơ Diesel có P = 160 kW; Q = 300 - 800 m³/h, cột áp H= 90-60.4 mcn; 01 máy bơm bù áp có P = 5.5 kW; Q = 6 - 18 m³/h, H = 144 - 11.3 mcn và các thiết bị phụ trợ cho trạm bơm như tủ điều khiển bơm, van an toàn, van bảo vệ vỏ bơm, đồng hồ đo áp suất, van báo động, bình tích áp, công tắc áp lực, van một chiều, van cổng, khớp chống rung.... của hệ thống dùng để cung cấp nước chữa cháy các hạng mục trong dự án.

- Kiểm tra, thử nghiệm tại trạm bơm ghi nhận:

+ Trạm bơm được xây dựng với bậc chịu lửa II, phía trên cửa ra vào có ghi chữ TRẠM BƠM CHỮA CHÁY, bên trong có đèn chiếu sáng sự cố, điện thoại để liên lạc, quy trình vận hành máy bơm, bên ngoài có đèn cảnh báo tín hiệu hoạt động của máy bơm chữa cháy;

+ Nguồn điện cấp cho máy bơm là nguồn ưu tiên;

+ Cấp điện cấp cho máy bơm là cáp chống cháy;

+ Cụm bơm có 03 đường hút, 02 đường đẩy;

+ Chế độ hoạt động của trạm bơm: Kiểm tra khả năng vận hành của hệ thống thông qua khởi động bằng tay và khởi động tự động nhận thấy hệ thống máy bơm chữa cháy vận hành đảm bảo theo đúng chức năng thiết kế, cài đặt, lập trình.

+ Trạng thái đóng mở của các van trên hệ thống: Được giám sát thông qua hệ thống báo cháy tự động.

Nhân xét, đánh giá: Trạm bơm được thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.11.2. Nguồn nước phục vụ chữa cháy:

Tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu, dự án bố trí tổng cộng 03 bể nước thông nhau dự trữ phục vụ chữa cháy và sinh hoạt đặt nổi với khối tích mỗi bể khoảng 1100 m³, bể nước có gắn thiết bị tự động cấp nước liên tục 24/24 h mỗi khi lượng nước bị sụt giảm, đảm bảo duy trì lượng nước dự trữ 100% tại mọi thời điểm.

Nhân xét, đánh giá: Đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.11.3. Hệ thống chữa cháy bằng nước.

* *Phân vùng:*

- Hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;

- Hệ thống đường ống cấp cho sprinkler, họng nước chữa cháy trong nhà.

* *Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà:* Lấy từ hệ thống cấp nước của cụm bơm chữa cháy của công trình.

- Kiểm tra, thử nghiệm: Vị trí, số lượng trụ, van khóa trên đường ống được thi công lắp đặt đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt, hệ thống hoạt động đảm bảo yêu cầu chữa cháy.

** Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà (hạng nước trong nhà kết hợp với sprinkler):*

- Nhà xưởng 3, 4, 7, 8: Chữa cháy cho toàn bộ diện tích bảo vệ, mỗi tầng lắp đặt 02 mạch vòng, mỗi mạch có 2 đường cấp đến cho Sprinkler (gồm 1909 đầu phun quay lên $k=8$, D20, $t = 68^{\circ}\text{C}$) và 32 họng nước chữa cháy trong nhà D50 (gồm đầy đủ lăng, vòi, van góc đồng bộ) lắp đặt ở chiều cao 1,25 m so với mặt sàn.

- Nhà xưởng 17, 20: Chữa cháy cho toàn bộ diện tích bảo vệ, mỗi nhà xưởng lắp đặt 02 mạch vòng, mỗi mạch có 2 đường cấp đến cho Sprinkler (gồm 912 đầu phun quay lên $k=8$, D20, $t = 68^{\circ}\text{C}$) và 16 họng nước chữa cháy trong nhà D50 (gồm đầy đủ lăng, vòi, van góc đồng bộ) lắp đặt ở chiều cao 1,25 m so với mặt sàn.

- Nhà xưởng 22: Chữa cháy cho toàn bộ diện tích bảo vệ, mỗi nhà xưởng lắp đặt 02 mạch vòng, mỗi mạch có 2 đường cấp đến cho Sprinkler (gồm 1356 đầu phun quay lên $k=8$, D20, $t = 68^{\circ}\text{C}$) và 19 họng nước chữa cháy trong nhà D50 (gồm đầy đủ lăng, vòi, van góc đồng bộ) lắp đặt ở chiều cao 1,25 m so với mặt sàn.

- Nhà xưởng 23, 24: Chữa cháy cho toàn bộ diện tích bảo vệ, mỗi nhà xưởng lắp đặt 02 mạch vòng, mỗi mạch có 2 đường cấp đến cho Sprinkler (gồm 624 đầu phun quay lên $k=8$, D20, $t = 68^{\circ}\text{C}$) và 14 họng nước chữa cháy trong nhà D50 (gồm đầy đủ lăng, vòi, van góc đồng bộ) lắp đặt ở chiều cao 1,25 m so với mặt sàn.

- Kiểm tra, thử nghiệm:

- + Van chặn trên đường ống có được giám sát bởi hệ thống báo cháy tự động;
- + Công tắc dòng chảy theo từng khoang có tín hiệu báo động cháy khi làm việc;
- + Có bố trí đường ống xả để kiểm tra hệ thống, xả bảo trì bảo dưỡng hệ thống;
- + Có bố trí van xả khí và đồng hồ đo áp suất ở điểm cao nhất của hệ thống đường ống;

+ Bố trí số lượng, khoảng cách giữa các đầu phun, khoảng cách từ đầu phun đến trần đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt (các đầu phun được lắp vuông góc với mặt phẳng trần);

+ Thử nghiệm hệ thống hoạt động thực tế (đối với 10 đầu phun làm việc): Nhận thấy hệ thống hoạt động theo đúng chức năng thiết kế, cài đặt, đảm bảo yêu cầu chữa cháy.

+ Thử nghiệm đối với 02 họng nước chữa cháy vách tường ở vị trí xa nhất, cao nhất so với vị trí đặt máy bơm chữa cháy: Nhận thấy chiều dài cột nước đặc đầu lặn đảm bảo yêu cầu chữa cháy (chiều dài cột nước đặc đầu lặn đảm bảo trên 6 m).

** Các họng nhận nước, tiếp nước vào hệ thống tại tầng 1:*

- Giai đoạn 3 của dự án lắp đặt thêm 08 trụ lấy nước ra từ hệ thống chữa cháy có áp (loại trụ 03 của theo TCVN 6379:1998) đặt tại vị trí dọc đường cho xe chữa cháy theo chu vi nhà máy, được đánh dấu màu đỏ mũi tên hướng ra;

- Công trình bố trí 01 họng đẩy nước vào hệ thống Sprinkler, họng nước chữa cháy trong nhà đặt tại vị trí cạnh đường nội bộ phía mặt chính giáp cổng chính nhà bảo vệ số 1 của dự án được đánh dấu màu đỏ mũi tên hướng vào;

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy được thi công, lắp đặt phù hợp theo thiết kế đã được thẩm duyệt, đảm bảo theo yêu cầu chữa cháy tại công trình.

3.12. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và hệ thống khác có liên quan về PCCC:

- Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ dự án được lấy từ nguồn điện của khu vực qua trạm biến áp tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các khu vực, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp cho hệ thống liên quan đến PCCC như: Hệ thống báo cháy, các hệ thống chữa cháy, hệ thống hút khói, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn. Nguồn cấp điện cho hệ thống hút khói là nguồn riêng biệt với nguồn cấp cho nhu cầu khác, được lấy từ nguồn điện lưới khu vực và máy phát điện đảm bảo công suất theo thiết kế.

- Nguồn điện ưu tiên: Là nguồn điện xoay chiều lấy từ trạm biến áp, trong mọi tình huống đều luôn có điện (trừ trường hợp trạm biến áp bị cắt nguồn); khi có tín hiệu báo cháy của nhà máy, hệ thống sẽ liên động điều khiển sau 1 thời gian trễ (khoảng 3 phút) sẽ ngắt toàn bộ phụ tải, chỉ để nguồn cấp cho hệ thống PCCC;

- Nguồn dự phòng: Là nguồn điện của các máy phát điện hoạt động trong trường hợp có sự cố cháy, nổ; khi mất nguồn điện ưu tiên thì ngay lập tức ATS tự động kích hoạt máy phát điện chạy và tự động cấp nguồn cho hệ thống PCCC (nó cũng tự động sa thải các phụ tải khác khi có sự cố cháy, nổ).

- Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Các thiết bị điện được lắp đặt đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn thiết kế.

+ Thử tín hiệu báo cháy, sau thời gian 3 phút từ khi có tín hiệu báo cháy hệ thống trung tâm báo cháy lập tức kích hoạt module điều khiển sa thải các nguồn điện không ưu tiên để chỉ còn cấp nguồn cho hệ thống PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC được thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.13. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn:

- Các đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn được lắp đặt trên toàn bộ lối và đường thoát nạn của các hạng mục công trình, đảm bảo vị trí, số lượng, cường độ chiếu sáng theo thiết kế được duyệt.

- Nguồn điện cấp: Nguồn cấp điện cho đèn chiếu sáng sự cố là nguồn không ưu tiên, nguồn cấp cho đèn chỉ dẫn thoát nạn là nguồn ưu tiên; các đèn này đều có nguồn ắc quy dự phòng là 2 giờ.

- Sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn được bố trí tại tường nhà xưởng 3, 4, 7, 8, 17, 20, 22, 23, 24 đảm bảo vị trí, số lượng, quy cách theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn được thi công, lắp đặt đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.14. Bình chữa cháy xách tay, dụng cụ phá dỡ thông thường và chữa cháy thô sơ:

- Các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 3 của dự án được trang bị bình chữa cháy như sau: 1568 bình bột ABC loại 4 kg, 783 bình khí CO₂ loại 3 kg, các bình bố trí phân tán, đảm bảo đúng khu vực, định mức trang bị và khoảng cách theo quy định.

- Dụng cụ phá dỡ thông thường: Giai đoạn 3 của dự án trang bị 28 bộ dụng cụ phá dỡ thông thường gồm kìm cộng lực, cưa tay, búa, xà beng đặt tại các xưởng 3, 4, 7, 8, 17, 20, 22, 23, 24.

- Dụng cụ chữa cháy thô sơ được trang bị đảm bảo số lượng, chủng loại, vị trí bố trí đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

- Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Số lượng bình chữa cháy xách tay đảm bảo theo thiết kế thẩm duyệt, chủng loại bình phù hợp theo giấy chứng nhận kiểm định cùng với tem kiểm định.

+ Kiểm tra vị trí trang bị nhận thấy các bình chữa cháy được bố trí theo đúng thiết kế.

+ Kiểm tra áp lực nạp bình theo đồng hồ đo áp tại đầu bình nhận thấy các bình đều duy trì ở trạng thái hoạt động bình thường.

Nhận xét, đánh giá: Các phương tiện được bố trí, trang bị đảm bảo theo hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã tổ chức thi công các hạng mục công trình, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đã hoạt động theo đúng chức năng thiết kế, cài đặt.

- Kết quả kiểm tra tại biên bản này là một trong các căn cứ để Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Bình xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra này, Phòng Cảnh sát PCCC&CCNH có văn bản thông báo kết quả kiểm tra đối với công trình.

2. Kiến nghị

- Công trình chỉ được đưa vào hoạt động cho thuê khi được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Bình và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

- Chủ đầu tư, đơn vị sở hữu và đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2023 và quy định của pháp luật. Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, cải tạo gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Bình để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH theo quy định.

- Đối với các mặt bằng để trống khi chủ đầu tư cho đơn vị khác thuê sử dụng thì phải thực hiện đầy đủ các quy định về thẩm duyệt thiết kế cải tạo, nghiệm thu về PCCC trước khi đưa công trình vào hoạt động theo quy định của pháp luật về PCCC hiện hành.

- Các đơn vị nhà thầu thi công hệ thống PCCC, cơ điện, công nghệ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ cho đơn vị vận hành trước khi đưa công trình vào vận hành hoạt động chính thức.

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC và

CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 45 phút cùng ngày, gồm 20 trang, được lập thành 14 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
THÁI BÌNH
[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM ANH TÀI

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN VIỄN ĐÔNG
M.S.D.N: 01028...
[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
[Signature]

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PC07
Thượng tá Nguyễn Viết Tân
ĐẠI DIỆN CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH BUREAU VERITAS
M.S.D.N: 01012...
[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hà

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG HỆ THỐNG PCCC TRONG NHÀ VÀ VÁCH KÍNH CHỐNG CHÁY
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CƠ ĐIỆN BẠCH ĐĂNG
M.S.D.N: 01012...
[Signature]
GIÁM ĐỐC
Dương Thủy Nguyên

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG HỆ THỐNG PCCC NGOÀI NHÀ TỦ BẢO CHÁY
CÔNG TY CỔ PHẦN LIVICO
M.D.N: 02 1152 21
[Signature]
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Mạnh Tường

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG 3, 7, 8
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐÔNG SƠN
M.S.D.N: 01012...
[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Toàn

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG 4
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VITECONS
M.S.D.N: 03095537...
[Signature]
ĐANG TIẾN DUNG
GIÁM ĐỐC DỰ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG HẠ TẦNG, NHÀ XƯỞNG 17, 20
CÔNG TY CỔ PHẦN ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
M.S.D.N: 01012...
[Signature]
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Tuấn Dũng

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG 22, 23, 24
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG QUALIPRO
M.S.D.N: 01560...
[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Chí Lực

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT CẤU THÉP NHÀ XƯỞNG 3, 7, 8, 22, 23, 24
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ KHUNG THÉP VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP
M.S.D.N: 01012...
[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Lâm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT CẤU THÉP NHÀ XƯỞNG 17, 20
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VÀ THIẾT BỊ
M.S.D.N: 01012...
[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Tuấn

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG THANG MÁY NHÀ XƯỞNG 3, 4, 7, 8
CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY ĐÔNG YẾN CHIẾN THẮNG
M.S.D.N: 0109303235...
[Signature]

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG HỆ MẠNG NHÀ XƯỞNG 3, 7, 8, 17, 20, 22, 23, 24
CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẬP AN BÌNH PHÁT
M.S.D.N: 0801243678...
[Signature]

TRƯỞNG HOÀNG THANH
TỔNG GIÁM ĐỐC LYSAGHT
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NS BLUESCOPE LYSAGHT VIỆT NAM
M.S.D.N: 3600237824...
[Signature]

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Như Định
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Viết Ban

Số: /NT-PCCC

Thái Bình, ngày tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 71/TD-PCCC ngày 28/7/2022 và văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 296/TD-PCCC&CNCH ngày 27/2/2023, số 1526/TD-PCCC&CNCH ngày 16/6/2023, số 242/TD-PCCC&CNCH ngày 07/02/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thái Bình;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 040/2024/ĐNNT-PCCC ngày 07/05/2024 của Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình;

Người đại diện theo pháp luật là ông: Phạm Minh Nam; Chức vụ: Chủ tịch Công ty;

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 07/6/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Bình.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Bình chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án “Xây dựng và kinh doanh cho thuê nhà xưởng Nam Tài tại Thái Bình (giai đoạn 3)” với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô B2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), Thị Trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài Thái Bình.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vitecons, Công ty Cổ phần Xây dựng Qualipro, Công ty TNHH vật tư thiết bị Tuấn Long, Công ty Cổ phần Nhà khung

thép và Thiết bị Công nghiệp, Liên danh Công ty TNHH NS Bluescope Lysaght Việt Nam và Công ty Cổ phần Thương mại và xây lắp An Bình Phát, Công ty Cổ phần Thang máy Dong Yang Chiến Thắng, Công ty cổ phần phát triển xây dựng Liên Việt, Công ty Cổ phần PCCC và Cơ điện Bạch Đằng.

Quy mô, tính chất của dự án:

* Tổng diện tích khu đất còn lại: 303.597,00 m²;

* Diện tích đất xây dựng các hạng mục đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu: 86.776,00 m², trong đó:

- Nhà xưởng 3, 4, 7, 8 (NX3, NX4, NX7, NX8): 02 tầng, diện tích 8448,00 m;
- Nhà xưởng 17, 20 (NX17, NX20): 02 tầng, diện tích 8.448,00 m²;
- Nhà xưởng 22 (NX22): 02 tầng, diện tích 14.928,00 m²;
- Nhà xưởng 23, 24 (NX23, NX24): 02 tầng, diện tích 10.580,00 m²;
- Tính chất hoạt động: Xây dựng nhà xưởng cho thuê.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Bậc chịu lửa; đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy; bố trí công năng; khoảng cách an toàn PCCC; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp thoát nạn; giải pháp chống tụ khói; giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn.

- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sprinkler;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
- Hệ thống chống sét;
- Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật có liên quan đến PCCC.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về PCCC.

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu tại biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh

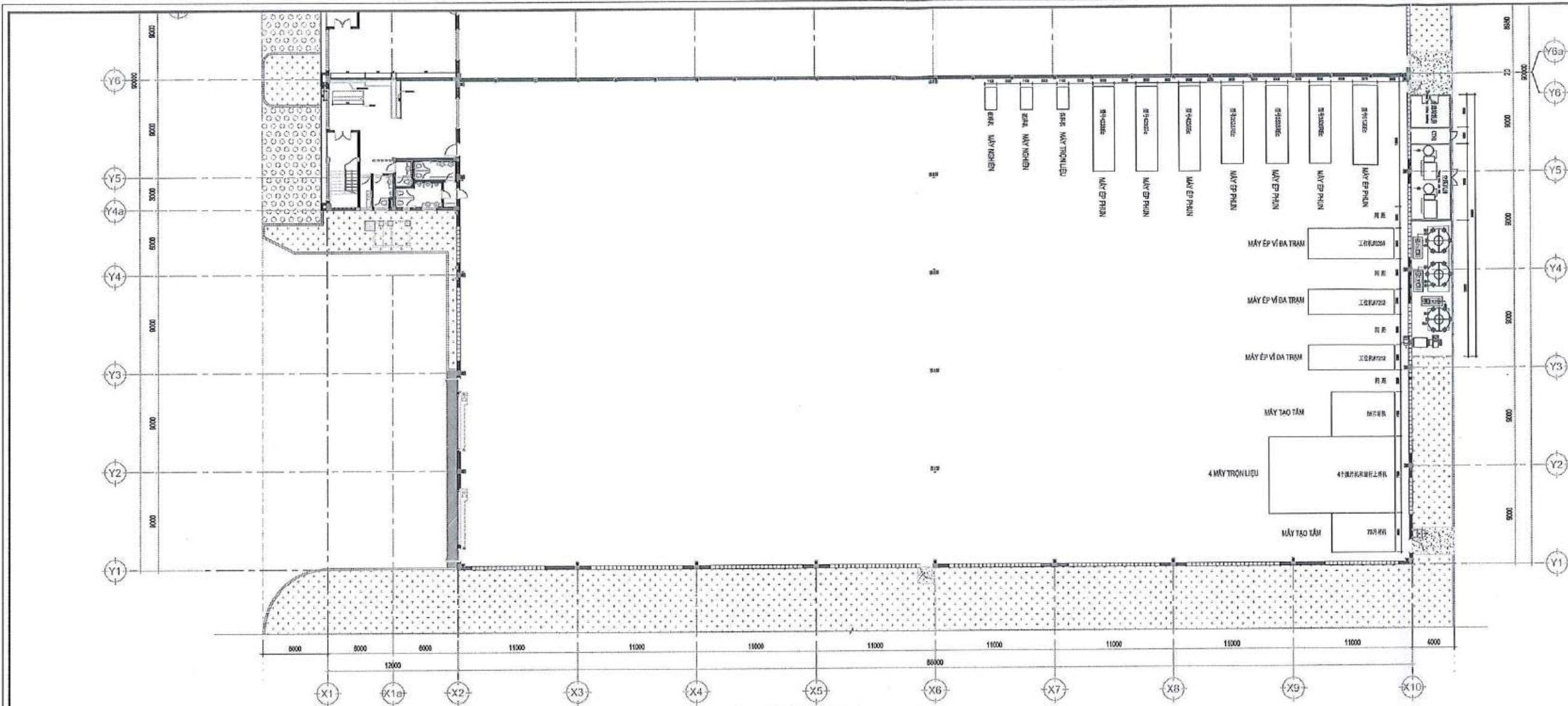
Thái Bình lập ngày 07/6/2024 và các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

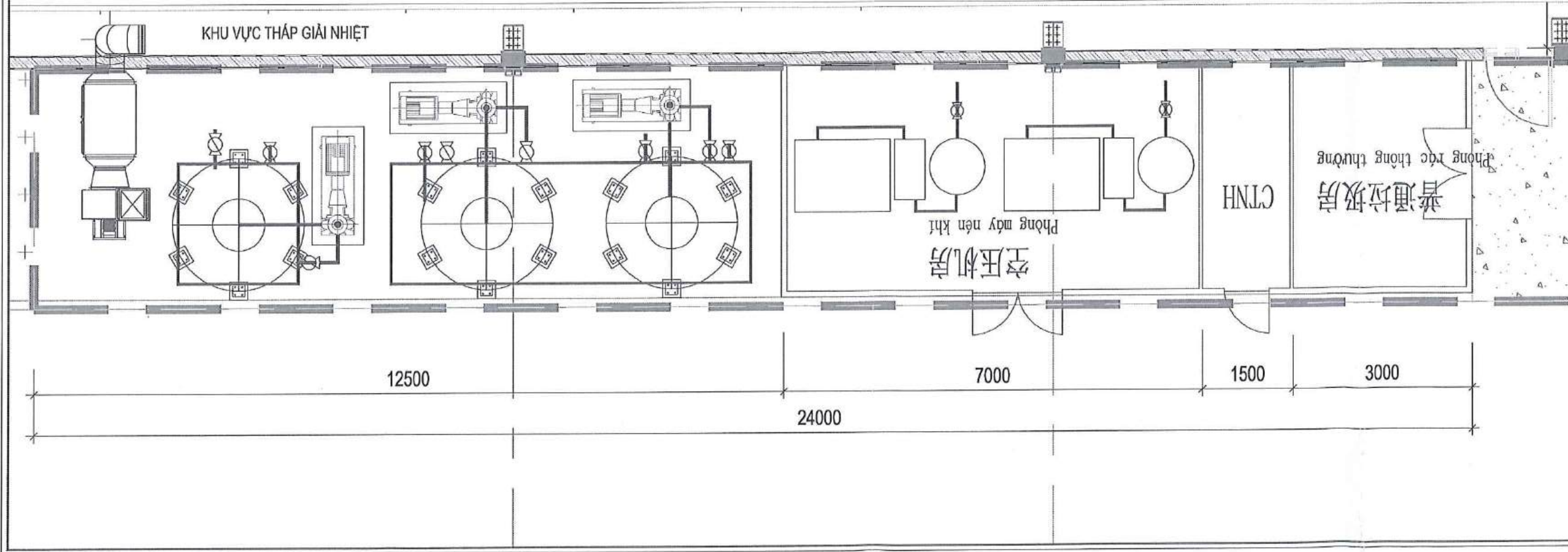
- C07/BCA;
- Sở xây dựng;
- Như trên;
- Lưu: VT, TM, LNT (04).

TRƯỞNG PHÒNG

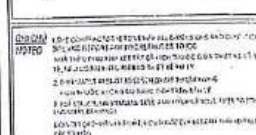
Thượng tá Phạm Huy Đảm



FIRST FLOOR PLAN Sc: 1/200



PROJECT DỰ ÁN		
LOCATION ĐỊA ĐIỂM		
CLIENT CHỦ ĐẦU TƯ		
CONTRACTOR NHÀ THẦU CHÍNH		
 TRUNG TUẤN CÔNG TY TNHH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRUNG TUẤN		
NOTE/GHI CHÚ		
No.	DATE:	REVISION
PERSON IN CHARGE/ CHỨC DANH		SIGNATURE/ KÝ TÊN
GENERAL DIRECTOR/TỔ Đ JERRY		
TEC. ENG/CHỦ TRÌ KS. Trần Văn Phương		
DESIGN/THIẾT KẾ KS. Phạm Văn Tường		
CHECK/KIỂM TRA KS. Lư Việt Anh		
SUBJECT / BỒ MÔN:		
ITEM / HÀNG MỤC:		
DRAWING NAME / TÊN BẢN VẼ:		
C2栋厂房规划布置平面图 BẢN VẼ BỐ TRÍ NHÀ XƯỞNG C2		
SCALE/TỶ LỆ	DATE/NGÀY	
	2025.07	
KHỚ GIẤY	DRAWING NO.	
A3	TT-PL-001	



1000

[illegible]

REV	DESIGN DESCRIPTION	
REVISION REASON	PRELIMINARY	CONCEPT DESIGN
	PRELIMINARY	PRELIMINARY
	PRELIMINARY	TECHNICAL DESIGN
	PRELIMINARY	CONSTRUCTION
REVISION REASON	DESIGN	FOR REVIEW
	WORKING	FOR CONSTRUCTION
	WORKING	FOR APPROVAL

CÔNG TY
CÔNG TY TNHH QUỐC T
QUỐC NAM TẠI THÁI BÌNH
NAM TẠI
THÁI BÌNH

DATE 1964	ĐỒNG GIÁM ĐỐC
	PHẠM ANH TÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG QUỐC TẾ
INTERNATIONAL CONSTRUCTION COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG QUỐC TẾ
100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Tel: (08) 231 23 23 Fax: (08) 231 23 23
Email: info@iccc.vn Website: www.iccc.vn

CHỖ TRƯỞNG	KS. LÊ DUY KHUÊ
CHỖ PHỤ TRƯỞNG	KS. LÊ DUY KHUÊ
CHỖ THỦ	KTS. TRẦN CƯỜNG HẢI
CHỖ KẾ	KTS. ĐOÀN HỮU

DIỆN AN XÂY DỰNG VÀ KINH D
CHO THUÊ NHÀ XƯƠNG N
NAM TẠI READY BUILT FAC

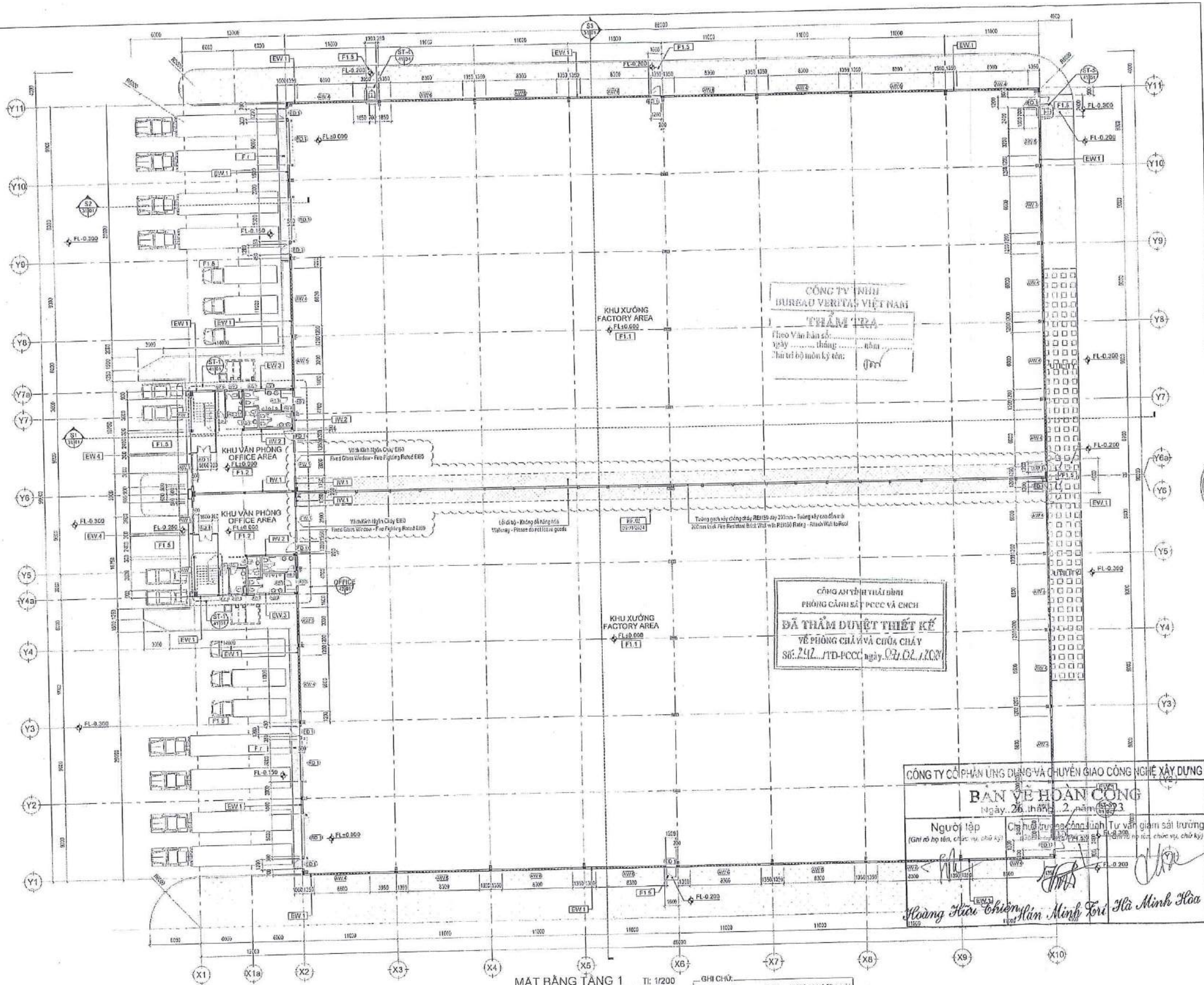
**KIẾN TRÚC
ARCHITECTURE**

NHÀ XƯỞNG HX16.17.18.20
FACTORY HK16.17.18.20

HỆ THỐNG
ENGINE TITLE

MẶT BẰNG TẦNG I
FIRST FLOOR PLAN

FILE SCALE	1-700	RESEARCH P/STUD	02074	RE RE
DATE TO SHED TO		KT	A-HK-1	

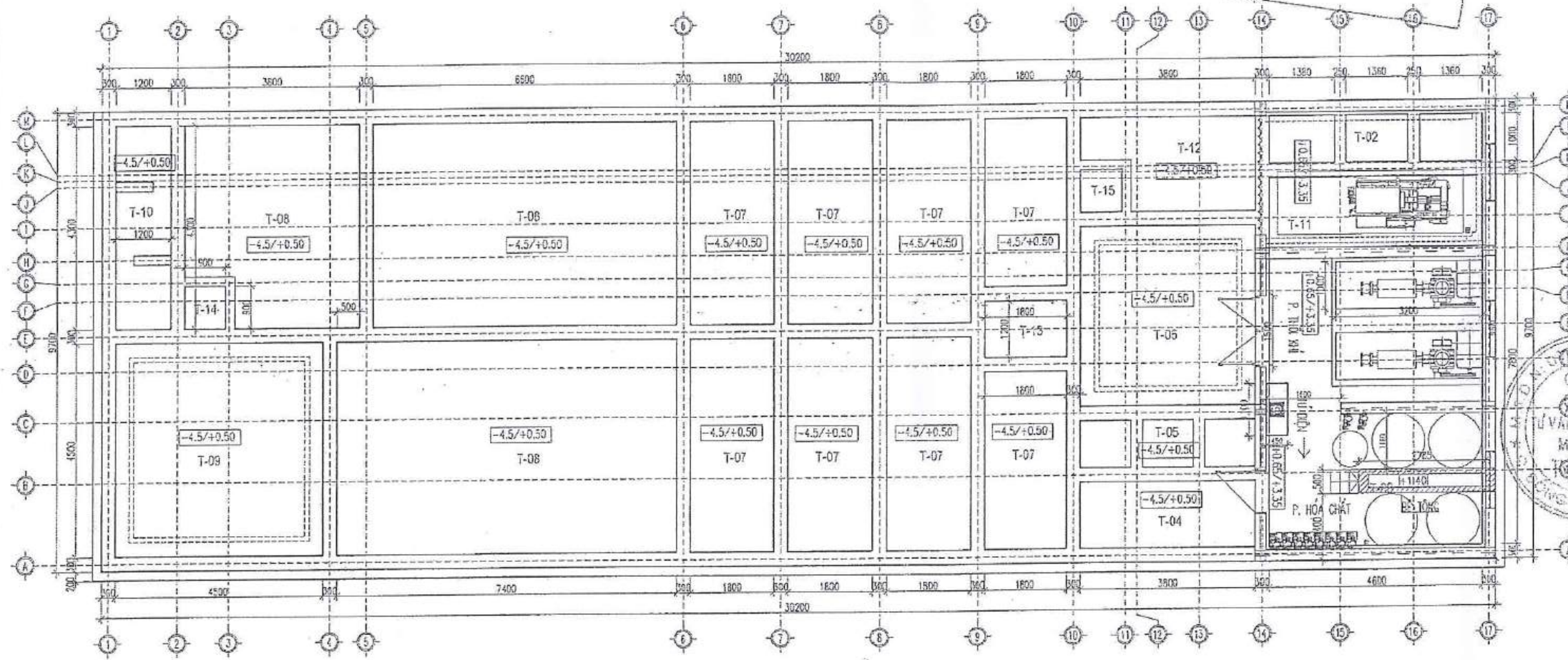


MẶT BẰNG TẦNG 1
FIRST FLOOR PLAN

GHI CHÚ:
Các phòng: Số lượng người làm việc không quá 50 người

MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ NHÀ ĐIỀU HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HÓA XANH VIỆT NAM
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số 20.06/HCT-HĐ
 Ngày 24 tháng 06 năm 2023
 (Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)



GHI CHÚ:

- CAO ĐỘ ±0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ +2.70 THEO HỆ CAO ĐỘ QUỐC GIA

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	T-01	HỒ GOM NƯỚC THẢI	7	T-07	BỂ KỸ KHÍ, THIẾU KHÍ
2	T-02	BỂ TÁCH DẦU MỖ	8	T-08	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ
3	T-03	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI	9	T-09	BỂ LẮNG SINH HỌC
4	T-04	BỂ ĐIỆN PHÂN	10	T-10	BỂ KHỬ TRÙNG
5	T-05	CỤM BỂ PHẢN ỨNG	11	T-11	NHÀ ĐIỀU HÀNH
6	T-06	BỂ LẮNG HÒA LÝ (LẮNG 1)	12	T-12	BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

Người lập: Trần Hoài Nam
 Chỉ huy trưởng công trình: Lê Việt Nhiễm
 Tư vấn giám sát trưởng: Hà Ninh Hoa

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR:

☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ / PRELIMINARY

☒ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION

☐ THIẾT KẾ HIỆU CHỈNH / MODIFIED

☐ HOÀN CÔNG / AS-BUILT

CHỈNH SỬA / REVISION: NGÀY / DATE:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ NAM TÀI THÁI BÌNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN / CONSULTANT: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 20 NGÕ 23/11 NGUYỄN PHÚC LAI
 P. CHỢ ĐUA, Q. ĐÔNG ĐÀ, TP. HÀ NỘI
 Tel: (+84) 0242.282.3535 • Hotline (09) 6112.6112
 Website: http://mctruongtnt.com

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR: NGÔ THỊ TRANG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: TỔNG MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / CHIEF PROJECT: KS. NGÔ XUÂN HỒNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / CHIEF DESIGNER: KTS. NGUYỄN HỮU DŨNG

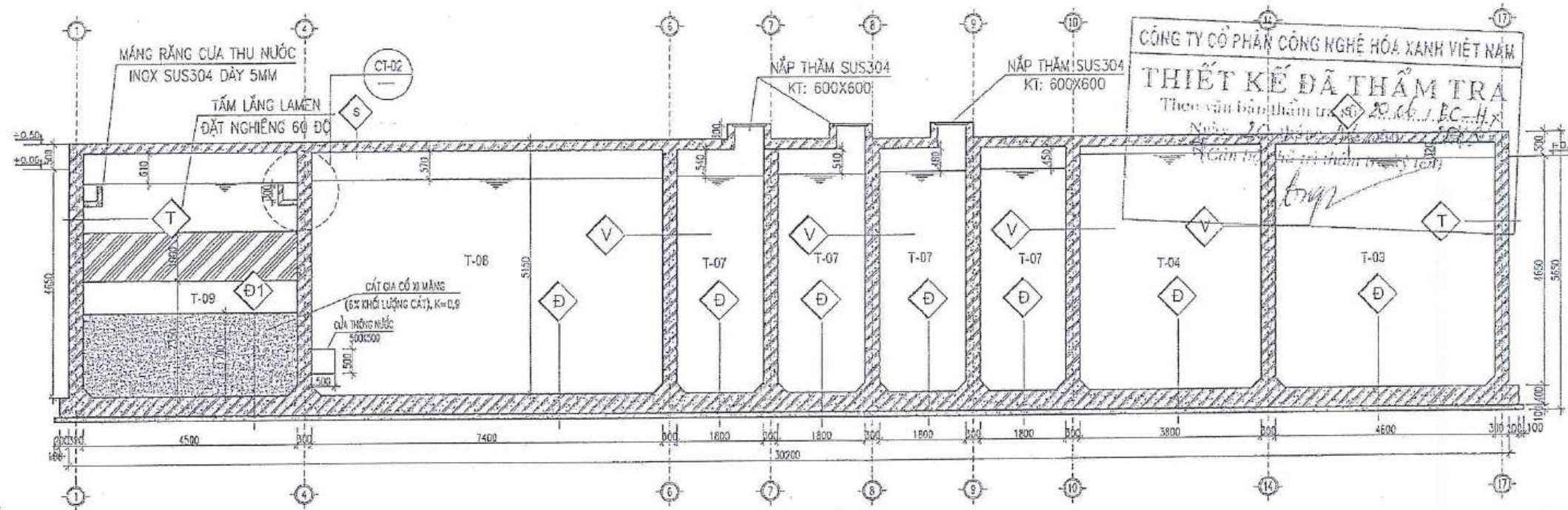
THIẾT KẾ / DESIGNER: KTS. NGUYỄN HỮU DŨNG

KIỂM TRA / CHECKED BY: KS. LÊ VIỆT KHIÊM

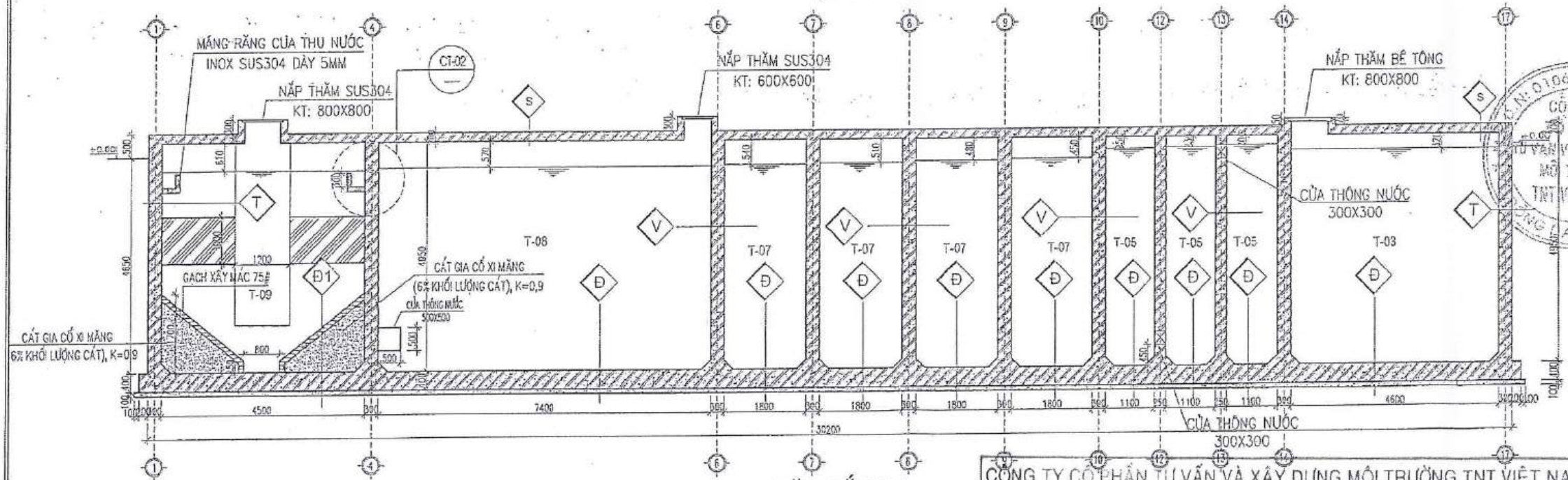
SỐ DỰ ÁN / JOB NO.: NGÀY / DATE: 07/2023

TL / SCALE: NTS

SỐ BẢN VẼ / DWG NO.: KT - 01



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

GHI CHÚ:

- CAO ĐỘ ± 0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ +2.70 THEO HỆ CAO ĐỘ QUỐC GIA

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
1	T-01	HỒ GOM NƯỚC THẢI	7	T-07	BỂ KÝ KHÍ, THIẾU KHÍ
2	T-02	BỂ TÁCH DẦU MỠ	8	T-08	BỂ SINH HỌC HIỆU KHÍ
3	T-03	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI	9	T-09	BỂ LẮNG SINH HỌC
4	T-04	BỂ ĐIỆN PHÂN	10	T-10	BỂ KHỬ TRÙNG
5	T-05	CỤM BỂ PHẢN ỨNG	11	T-11	NHÀ ĐIỀU HÀNH
6	T-06	BỂ LẮNG HÓA LÝ (LẮNG 1)	12	T-12	BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
13	T-13	BỂ PHÂN PHỐI NƯỚC	14	T-14	BỂ TRUNG GIẠN
15	T-15	HỒ BƠM BÙN			

Trần Hoài Nam

Phạm Việt Khương

Hà Ninh Hòa

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR:

- ☐ THIẾT KẾ CƠ SỞ / PRELIMINARY
- ☒ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION
- ☐ THIẾT KẾ HIỆU CHỈNH / MODIFIED
- ☐ HOÀN CÔNG / AS-BUILT

CHÍNH SỬ / REVISION: / NGÀY / DATE

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ NAM TÀI THÁI BÌNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN / CONSULTANT:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 20 NGÕ 23/11 NGUYỄN PHÚC LAI P. CHỢ ĐUÁ, Q. ĐÔNG ĐÀ, TP. HÀ NỘI

Tel: (+84) 0246.282.3536 - Hotline (09) 8112.8112 Website: http://mctruongint.com

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

NGÔ THẾ TRĂNG

TÀI AN / CÔNG TRÌNH / PROJECT:

TRẠNG STATION 1000M2 CÔNG SUẤT 600M3/NGÀY VÀ KINH DOANH CHỢ THUÊ NHÀ XƯỞNG NAM TÀI

ĐIỂM LỘ BÊ TÔNG CÔNG NGHỆ LÊN NHÀ THỦY THUYẾT / THUYẾT THUYẾT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT CẮT 1-1; 2-2

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN / CHIEF PROJECT:

KS. NGÔ XUÂN HỒNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / CHIEF DESIGNER:

KTS. NGUYỄN HỮU DŨNG

THIẾT KẾ / DESIGNER:

KTS. NGUYỄN HỮU DŨNG

KIỂM TRA / CHECKED BY:

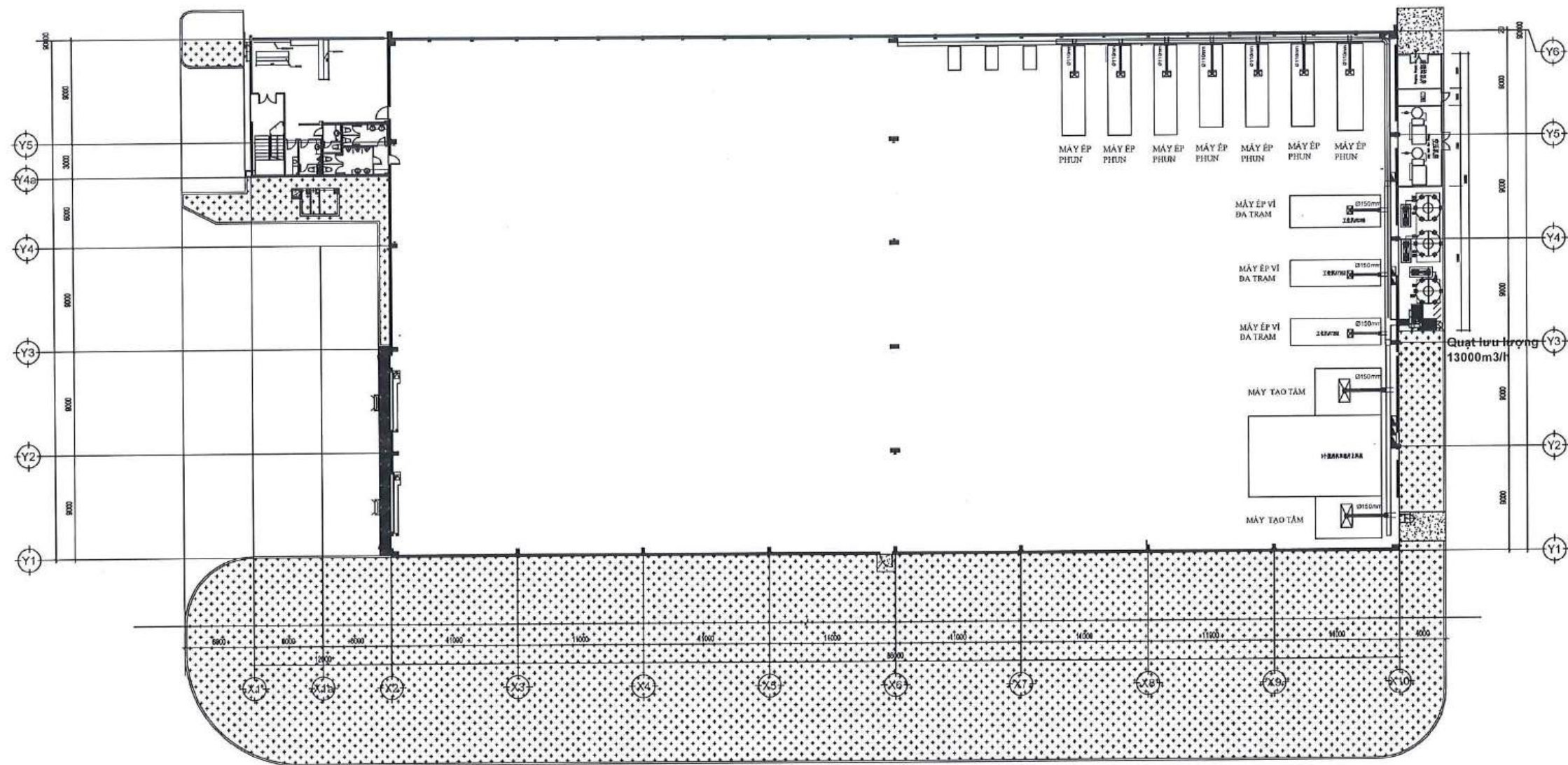
KS. LÊ VIỆT KIỆM

SỐ DỰ ÁN / JOB NO.:

NGÀY / DATE: 07/2023

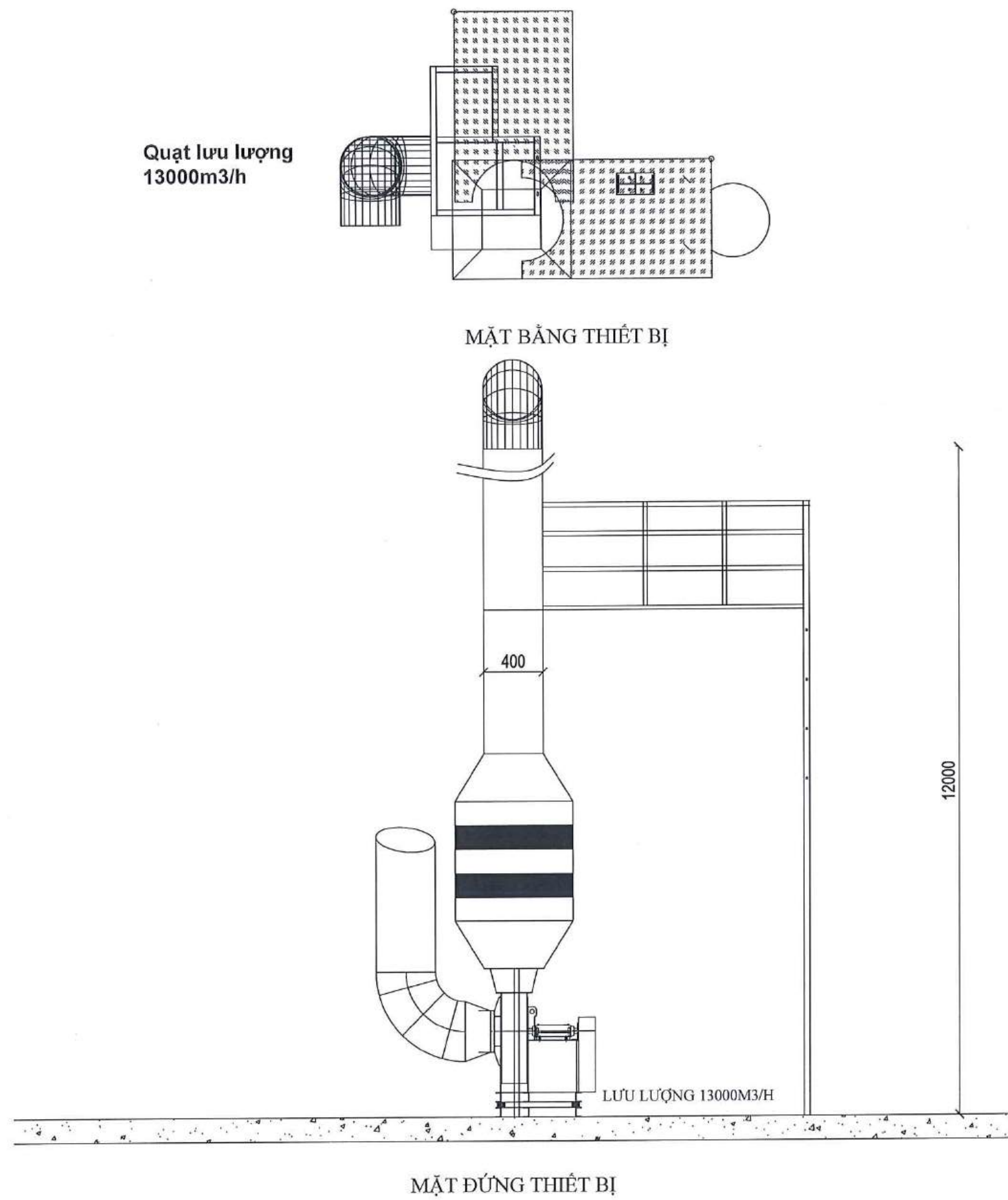
TỈ LỆ / SCALE: NTS

SỐ BẢN VẼ / DWG NO.: KT - 05



MẶT BẰNG TẦNG 1 Tỉ: 1/200
FIRST FLOOR PLAN Sc: 1/200

NGÀY	LẦN XUẤT BẢN
1	
2	
3	
4	
TÊN DỰ ÁN: DỰ ÁN NHÀ MÁY NHỰA TIYA VIỆT NAM	
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NHỰA TIYA (VIỆT NAM)	
ĐỊA ĐIỂM: Nhà xưởng số NX C2 (NX20) thuê của Công ty TNHH quốc tế Nam Tài Thái Bình, lô B2 Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1)	
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
ĐƠN VỊ THI CÔNG: faminco CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ HOA PHƯỢNG Số BH4-30 Vinhomes Imperia, Hồng Bàng, Hải Phòng	
GIÁM ĐỐC:  KS. VŨ THỊ QUỲNH CHANG	
THIẾT KẾ:  KS. TRẦN QUANG ANH	
KIỂM TRA:  KS. PHAN VĂN THUẬN	
TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ MẶT BẰNG THU GOM KHÍ THẢI	
GIẢI ĐOẠN	TKB/VC
TỶ LỆ BẢN VẼ	
HOÀN THÀNH	7/2025
SỐ HIỆU BẢN VẼ	



NGÀY	LẦN XUẤT BẢN
1	
2	
3	
4	

TÊN DỰ ÁN:
DỰ ÁN NHÀ MÁY NHỰA
TIYA VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
NHỰA TIYA (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM:
Nhà xưởng số NX C2 (NX20) thuê
của Công ty TNHH quốc tế Nam Tài
Thái Bình, lô B2 Khu công nghiệp
Liên Hà Thái (Green iP-1)

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

faminco
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ HOA PHƯỢNG
-----*-----
Số BH4-30 Vinhomes Imperia,
Hồng Bàng, Hải Phòng

GIÁM ĐỐC:

KS. VŨ THỊ QUỲNH CHANG

THIẾT KẾ:

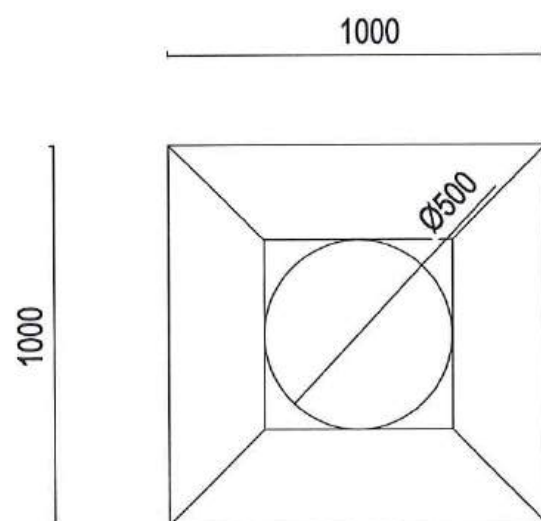
KS. TRẦN QUANG ANH

KIỂM TRA:

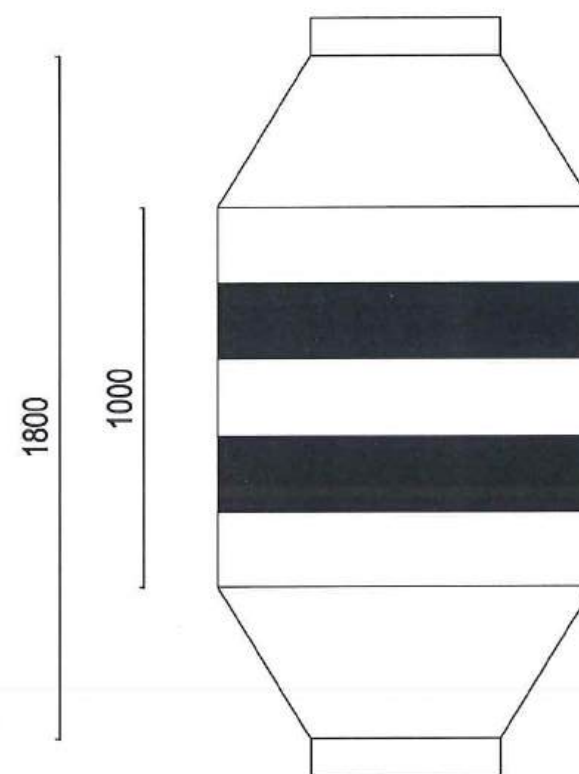
KS. PHAN VĂN THUẬN

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI

GIAI ĐOẠN	TKBVTC
TỶ LỆ BẢN VẼ	
HOÀN THÀNH	7/2025
SỐ HIỆU BẢN VẼ	



HÌNH CHIỀU BẰNG



HÌNH CHIỀU ĐÚNG

2 KHAY THAN
1000*1000*200MM

	NGÀY	LẦN XUẤT BẢN
1		
2		
3		
4		

TÊN DỰ ÁN:
DỰ ÁN NHÀ MÁY NHỰA
TIYA VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
NHỰA TIYA (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM:
Nhà xưởng số NX C2 (NX20) thuê
của Công ty TNHH quốc tế Nam Tài
Thái Bình, lô B2 Khu công nghiệp
Liên Hà Thái (Green iP-1)

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

faminco
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ HOA PHƯỢNG
-----*-----
Số BH4-30 Vinhomes Imperia,
Hồng Bàng, Hải Phòng

GIÁM ĐỐC:

K.S. VŨ THỊ QUỲNH CHANG

THIẾT KẾ:

K.S. TRẦN QUANG ANH

KIỂM TRA:

K.S. PHAN VĂN THUẬN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ THÁP HÁP PHỤ
THAN HOẠT TÍNH

GIẢI ĐOẠN	TKBVTC
TỶ LỆ BẢN VẼ	
HOÀN THÀNH	7/2025
SỐ HIỆU BẢN VẼ	